

**SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG**



**SỔ TAY NGHIỆP VỤ  
XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH  
(Tái bản, có sửa đổi, bổ sung)**

**Bắc Giang, tháng 6 năm 2022**



## LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 13/11/2020, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 đã thông qua Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC); đồng thời ngày 23/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 118/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC (thay thế cho Nghị định số 81/2013/NĐ-CP<sup>1</sup>, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP<sup>2</sup>), Luật và Nghị định nêu trên có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. Hai văn bản pháp luật này được ban hành nhằm tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, trình tự, thủ tục trong pháp luật về XLVPHC và khắc phục tối đa những hạn chế, bất cập khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về XLVPHC những năm qua, góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác thi hành pháp luật về XLVPHC trên thực tế, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Nhằm tiếp tục trang bị và đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, tuyên truyền, tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật về XLVPHC hiện nay cho công chức thuộc cơ quan chuyên môn thuộc

---

<sup>1</sup> ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

<sup>2</sup> ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị liên quan, cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Đồng thời để góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ về công tác này cho đội ngũ công chức chuyên môn; giúp công tác XLVPHC trên địa bàn tỉnh ngày càng được bảo đảm về chất lượng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương; trên cơ sở cuốn “Sổ tay nghiệp vụ XLVPHC” đã được Sở biên soạn năm 2016, được biên soạn tái bản năm 2018, Sở Tư pháp tiếp tục cập nhật và thực hiện biên soạn tái bản có sửa đổi, bổ sung cuốn “Sổ tay nghiệp vụ công tác XLVPHC”. Cuốn Sổ tay gồm 04 phần:

- Phần I: Những vấn đề chung về xử lý vi phạm hành chính.

- Phần II: Xử phạt vi phạm hành chính.

- Phần III: Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

- Phần IV: Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.

Sở Tư pháp hi vọng cuốn Sổ tay sẽ tiếp tục là tài liệu hữu ích, cẩm nang nghiệp vụ, giúp cho đội ngũ công chức làm công tác XLVPHC thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Xin trân trọng giới thiệu!

**SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG**

# Phần I

## NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

## 1. VI PHẠM HÀNH CHÍNH (VPHC)

### 1.1. Khái niệm

Theo khoản 1 Điều 2 Luật XLVPHC năm 2012, VPHC là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị XPVPHC.

### 1.2. Các dấu hiệu cơ bản

- Một là, tính nguy hiểm cho xã hội: hành vi VPHC có tính nguy hiểm cho xã hội và tính nguy hiểm cho xã hội được coi là dấu hiệu nội dung của VPHC.

- Hai là, tính trái pháp luật hành chính: VPHC là hành vi xâm phạm trật tự quản lý nhà nước. Tính trái pháp luật hành chính thể hiện ở chỗ hành vi vi phạm được xác định là hành vi vi phạm pháp luật hành chính phải bị xử phạt và được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật. Tính trái pháp luật hành chính được coi là dấu hiệu hình thức của VPHC.

- Ba là, tính có lỗi: VPHC là hành vi được thực hiện bởi lỗi vô ý hoặc cố ý của chủ thể VPHC.

- Bốn là, chủ thể của VPHC: chủ thể của VPHC là cá nhân, tổ chức có năng lực chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật.

Bốn dấu hiệu cơ bản trên đây là cơ sở để phân biệt VPHC với các dạng vi phạm pháp luật khác.

### **1.3. Các trường hợp VPHC**

- VPHC lần đầu là vi phạm trước đó chưa có vi phạm hoặc có vi phạm đã bị xử lý mà sau khi thi hành xong quyết định xử lý được coi là chưa bị xử lý hoặc đã hết thời hiệu xử lý;

VPHC nhiều lần là trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi VPHC mà trước đó đã thực hiện hành vi VPHC này nhưng chưa bị xử lý và chưa hết thời hiệu xử lý;

- VPHC có tổ chức là trường hợp cá nhân, tổ chức cấu kết với cá nhân, tổ chức khác để cùng thực hiện hành vi VPHC;

- Tái phạm là việc cá nhân, tổ chức đã bị ra quyết định XPVPHC nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị XPVPHC mà lại thực hiện hành vi VPHC đã bị xử phạt; cá nhân đã bị ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà lại thực hiện hành vi thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đó.

### **2. Nguyên tắc XPVPHC khi có hành vi VPHC do pháp luật quy định**

- Một hành vi VPHC chỉ bị xử phạt một lần. Nghĩa là một hành vi VPHC chỉ bị lập biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Nếu đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định mà người vi phạm không tuân mệnh lệnh, yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định xử lý, cố tình vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt áp dụng biện pháp ngăn

chặn. Khi ra quyết định xử phạt có thể áp dụng tình tiết tăng nặng hay xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt.

Quyết định xử phạt một lần đối với hành vi VPHC có ý nghĩa nhằm ngăn ngừa sự lạm dụng trong việc xử phạt, đồng thời bảo đảm việc xử phạt đúng người, đúng hành vi vi phạm.

- Nhiều người cùng thực hiện một hành vi VPHC thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi VPHC đó. Ví dụ có 5 người thực hiện một hành vi gây rối trật tự công cộng thì cả 5 người đều bị xử phạt về hành vi đó. Tuy nhiên khi ra quyết định thì còn phải căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của mỗi người. Việc ra quyết định có thể bằng một quyết định hoặc từng quyết định cho mỗi người. Nhưng mức xử phạt thì phải quyết định cho từng người.

- Trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi VPHC hoặc VPHC nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp hành vi VPHC nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng.

### **3. Căn cứ xử phạt VPHC (XPVPHC)**

Để quyết định XPVPHC, người có thẩm quyền xử phạt phải dựa vào các căn cứ sau đây:

- Tính chất, mức độ và hậu quả của vi phạm: thể hiện qua khách thể bị xâm hại; phương tiện, công cụ vi phạm, mục đích, động cơ, lỗi của người vi phạm; hậu quả do vi phạm gây ra.

- Đối tượng (chủ thể) vi phạm: thể hiện ở năng lực chịu trách nhiệm (độ tuổi, tâm thần), trình độ văn hóa, tính cách, môi trường sống, nhân thân tốt hay xấu (có tiền án, tiền sự, VPHC hay chưa)... Chủ thể sau đây nếu VPHC thì bị xử phạt:

+ Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị XPVPHC về VPHC do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị XPVPHC về mọi VPHC.

Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân VPHC thì bị xử lý như đối với công dân khác; trường hợp cần áp dụng hình thức phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn liên quan đến quốc phòng, an ninh thì người xử phạt đề nghị cơ quan, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thẩm quyền xử lý.

+ Tổ chức bị XPVPHC về mọi VPHC do mình gây ra. Tổ chức bị XPVPHC khi có đủ các điều kiện: là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật; hành vi VPHC do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức và hành vi đó được quy định tại nghị định về XPVPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước (được quy định cụ thể tại các nghị định quy định XPVPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.)

+ Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh VPHC trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền của pháp



nhân, tổ chức hoặc theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của pháp nhân, tổ chức, thì đối tượng bị XPVPHC là pháp nhân, tổ chức đó và bị XPVPHC theo mức phạt áp dụng đối với tổ chức về những hoạt động do chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức đó thực hiện. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức thực hiện hành vi VPHC không thuộc phạm vi hoặc thời hạn được pháp nhân, tổ chức ủy quyền hoặc không theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của pháp nhân, tổ chức, thì chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải chịu trách nhiệm và bị XPVPHC theo mức phạt áp dụng đối với tổ chức về những hoạt động do chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện.

+ Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư VPHC bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân VPHC. Người đại diện của hộ kinh doanh, chủ hộ của hộ gia đình, người đứng đầu của cộng đồng dân cư chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định XPVPHC cho hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

+ Cá nhân, tổ chức nước ngoài VPHC trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị XPVPHC theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Những trường hợp có hành vi VPHC nhưng không bị xử lý hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan gồm:

+ Người dưới 14 tuổi;

+ Người mắc bệnh tâm thần hoặc đang mắc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

+ Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý VPHC, mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý VPHC, mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Những trường hợp được coi là chưa bị XPVPHC, gồm: cá nhân, tổ chức trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày đã chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định XPVPHC khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định XPVPHC mà không tái phạm.

- Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Những tình tiết này được quy định trong Luật XLVPHC. Tình tiết tăng nặng chỉ được áp dụng là những tình tiết tăng nặng quy định trong

luật. Tình tiết giảm nhẹ có thể được áp dụng những tình tiết khác ngoài những tình tiết quy định trong luật mà có lợi cho người vi phạm.

#### **4. Thời hiệu, thời điểm để tính thời hiệu XPVPHC**

4.1. Thời hiệu XPVPHC là khoảng thời gian để người có thẩm quyền XPVPHC xử phạt đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật hành chính, kể từ khi phát hiện - chấm dứt hành vi vi phạm đó.

Thời hiệu XPVPHC là 01 năm; VPHC về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đê điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu XPVPHC là 02 năm. VPHC về thuế thì thời hiệu XPVPHC theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4.2. Thời điểm để tính thời hiệu XPVPHC bao gồm thời điểm hành vi VPHC đã kết thúc; thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt; thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

Đối với hành vi VPHC đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

Đối với hành vi vi phạm đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

Trường hợp người vi phạm trốn tránh hoặc cản trở việc xử phạt thì thời hiệu được tính lại từ thời điểm hành vi trốn tránh, cản trở đó chấm dứt.

## **5. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng khi áp dụng quyết định XPVPHC**

5.1. Tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 9 Luật XLVPHC năm 2012 gồm:

- Người VPHC đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

- Người VPHC đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện VPHC, XLVPHC;

- VPHC trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

- VPHC do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

- Người VPHC là phụ nữ mang thai, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

- VPHC vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;

- VPHC do trình độ lạc hậu;
- Những tình tiết giảm nhẹ khác do Chính phủ quy định tại các Nghị định về XPVPHC.

5.2. Những tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 10 Luật XLVPHC năm 2012 gồm:

- VPHC có tổ chức;
- VPHC nhiều lần; tái phạm;
- Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi VPHC;
- Sử dụng người biết rõ là đang bị tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi để VPHC;
- Lãng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ; VPHC có tính chất côn đồ;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để VPHC;
- Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để VPHC;
- Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý VPHC;
- Tiếp tục thực hiện hành vi VPHC mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó;

- Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu VPHC;

- VPHC có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn;

- VPHC đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai.

Tình tiết tăng nặng đã được quy định là hành vi VPHC thì không được coi là tình tiết tăng nặng (Ví dụ tình tiết tái phạm được coi là hành vi VPHC ở một số nghị định quy định về XPVPHC đối với lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành thì khi xử phạt đối với hành vi này tái phạm không được coi là tình tiết tăng nặng nữa). Chỉ những tình tiết quy định trong luật mới coi là tình tiết tăng nặng. Chính phủ không được quy định tình tiết tăng nặng trong các nghị định về XPVPHC.

## **6. Những trường hợp không XPVPHC**

- Thực hiện hành vi VPHC trong tình thế cấp thiết;

- Thực hiện hành vi VPHC do phòng vệ chính đáng;

- Thực hiện hành vi VPHC do sự kiện bất ngờ;

- Thực hiện hành vi VPHC do sự kiện bất khả kháng;

- Người thực hiện hành vi VPHC không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi VPHC chưa đủ tuổi bị XPVPHC theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Luật XLVPHC năm 2012.

## 7. Những hành vi bị nghiêm cấm trong XPVPHC

Theo quy định tại Điều 12 Luật XLVPHC năm 2012-được sửa đổi bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 những hành vi sau đây bị nghiêm cấm trong xử lý VPHC:

- Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để XLVPHC.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của người vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của người VPHC khi XPVPHC hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
- Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi VPHC, thẩm quyền, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi VPHC trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính.
- Không XPVPHC, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
- XPVPHC, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không kịp thời, không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng quy định tại Luật XLVPHC năm 2012.
- Xác định hành vi VPHC không đúng; áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi VPHC.
- Can thiệp trái pháp luật vào việc XLVPHC.

- Kéo dài thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
- Không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.
- Sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt VPHC, tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền, tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện VPHC bị tịch thu và các khoản tiền khác thu được từ XPVPHC trái quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ XPVPHC, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
- Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị XPVPHC, người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC, người bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định XLVPHC.
- Chống đối, trốn tránh, trì hoãn hoặc cản trở chấp hành quyết định XPVPHC, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm XLVPHC, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

## **8. Trách nhiệm của người có thẩm quyền XLVPHC và UBND các cấp**

8.1. Người có thẩm quyền XLVPHC có trách nhiệm sau đây:

- Trong quá trình XLVPHC phải tuân thủ những quy định của Luật XLVPHC và quy định khác của pháp luật có liên quan.



- Không được sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản khác của người vi phạm, dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng tính chất, mức độ vi phạm, không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm quy định về những hành vi nghiêm cấm quy định tại Luật XLVPHC và các luật khác. Nếu vi phạm những nội dung này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hành sự.

## 8.2. UBND các cấp có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về XLVPHC ở địa phương, gồm:

+ Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về XLVPHC. Trong quá trình thi hành pháp luật về XLVPHC, nếu phát hiện các quy định về XLVPHC không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn, thì kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc Bộ Tư pháp đề nghị cứu, xử lý.

+ Thực hiện các nhiệm vụ phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ áp dụng pháp luật về XLVPHC.

+ Xây dựng Cơ sở dữ liệu về XLVPHC trong phạm vi địa phương; chỉ đạo các sở, ban, ngành cung cấp thông tin để phục vụ công tác xây dựng Cơ sở dữ liệu về XLVPHC.

+ Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về XLVPHC;

+ Tổ chức thanh tra theo kiến nghị của Sở Tư pháp hoặc khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về XLVPHC có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên địa bàn.

+ Thống kê, báo cáo tình hình XLVPHC;

+ Sơ kết, tổng kết, khen thưởng về tình hình thi hành pháp luật XLVPHC.

+ Chỉ đạo xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc thi hành pháp luật về XLVPHC.

- Kịp thời cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp về XLVPHC để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia; hàng năm báo cáo Bộ Tư pháp về công tác XLVPHC trên địa bàn.

**Phần II****XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH****1. Hình thức, nguyên tắc áp dụng, thẩm quyền, mức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả****1.1. Các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng**

1.1.1. Hình thức XPVPHC là thể hiện sự răn đe, trừng phạt của pháp luật đối với những cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy tắc quản lý nhà nước, thông qua đó buộc người vi phạm phải gánh chịu những hậu quả bất lợi về vật chất, tinh thần. Ngoài mục đích răn đe, trừng phạt các quy định này còn nhằm mục đích giáo dục đối với cá nhân, tổ chức bị xử phạt, góp phần nâng cao ý thức của công dân trong việc chấp hành pháp luật và các quy tắc quản lý nhà nước.

Điều 21 Luật XLVPHC năm 2012 quy định 5 hình thức XPVPHC sau đây:

- Cảnh cáo;
- Phạt tiền;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Tịch thu tang vật VPHC, phương tiện được sử dụng để VPHC (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện VPHC);
- Trục xuất.

Nhằm bảo đảm hình thức xử phạt được quy định và áp dụng phù hợp với tính chất, mức độ của mỗi hành vi vi

phạm Luật XLVPHC quy định nguyên tắc áp dụng linh hoạt, mềm dẻo:

- Hình thức xử phạt cảnh cáo và phạt tiền chỉ được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt chính.

- Hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC theo quy định của pháp luật có thể vừa là hình thức xử phạt chính, vừa là hình thức xử phạt bổ sung.

- Hình thức xử phạt trục xuất có thể được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt chính hoặc bổ sung.

Từ những quy định này cho thấy Chính phủ có thể lựa chọn nhiều hình thức xử phạt khác nhau để quy định hình thức xử phạt chính trong các Nghị định về XPVPHC hoặc các hình thức xử phạt bổ sung.

1.1.2. Áp dụng hình thức xử phạt theo nguyên tắc sau đây

- Đối với hình thức xử phạt vừa có thể là hình thức xử phạt chính, vừa có thể là hình thức xử phạt bổ sung phải được Chính phủ quy định tại các Nghị định về XPVPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Nếu không quy định thì ngoài các hình thức xử phạt cảnh cáo, phạt tiền là hình thức xử phạt chính, các hình thức xử phạt khác là hình thức xử phạt bổ sung.

- Đối với mỗi VPHC cá nhân, tổ chức chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính nhưng có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung. Hình thức phạt bổ

sung chỉ được áp dụng kèm với hình thức xử phạt chính. Tuy nhiên việc lựa chọn hình thức nào là chính, hình thức nào là bổ sung để áp dụng cụ thể đối với VPHC lại do các điều khoản cụ thể tại các Nghị định của Chính phủ về XPVPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, người có thẩm quyền xử phạt phải căn cứ vào các quy định này để áp dụng đối với hành vi vi phạm cụ thể.

- Các hình thức XPVPHC và biện pháp khắc phục hậu quả chỉ được áp dụng khi nghị định quy định về XPVPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có quy định các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả này đối với hành vi VPHC cụ thể, trừ trường hợp không ra quyết định XPVPHC nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện VPHC nếu tang vật, phương tiện VPHC thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi VPHC đó.

## **1.2. Áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo**

1.2.1. Theo quy định tại Điều 22 Luật XLVPHC năm 2012, hình thức xử phạt cảnh cáo là một trong hai hình thức chỉ được quy định là hình phạt chính. So với hình thức xử phạt tiền thì hình thức xử phạt cảnh cáo nhẹ hơn. Cảnh cáo thể hiện thái độ răn đe, giáo dục hơn là trừng phạt nhưng vẫn thể hiện tính nghiêm khắc của Nhà nước đối với cá nhân, tổ chức có vi phạm, do đó, vẫn mang tính cưỡng chế nhà nước, gây cho người bị xử phạt tổn hại nhất định về mặt tinh thần.

Hình thức xử phạt này được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức VPHC không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ hoặc đối với mọi hành vi do người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quy định bằng văn bản.

1.2.2. Khi áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo người có thẩm quyền xử phạt cần lưu ý

- Cảnh cáo chỉ được áp dụng khi có quy định về việc áp dụng hình thức xử phạt này. Có nghĩa là Nghị định của Chính phủ quy định hành vi vi phạm cụ thể bị xử phạt cảnh cáo thì người có thẩm quyền xử phạt mới được áp dụng hình thức xử phạt này. Như vậy một người có hành vi vi phạm mặc dù không nghiêm trọng và có tình tiết giảm nhẹ nhưng nghị định của Chính phủ không quy định hình thức xử phạt cảnh cáo cho hành vi cụ thể ấy thì người có thẩm quyền xử phạt không áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo đối với người có hành vi vi phạm. Nhưng đối với trẻ em từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo đối với mọi hành vi vi phạm mà không cần quan tâm đến hành vi vi phạm đó trong nghị định của Chính phủ có quy định hình thức xử phạt cảnh cáo hay không.

- Cảnh cáo do người có thẩm quyền xử phạt quyết định phải bằng văn bản. Nghĩa là mọi tuyên bố bằng miệng mà không thể hiện bằng văn bản thì không được coi là đã bị XPVPHC. Ví dụ như cảnh sát giao thông nhắc nhở người có hành vi vi phạm giao thông, cảnh sát giữ gìn trật tự nhắc nhở người có hành vi gây mất trật tự công cộng. Việc nhắc

nhờ ấy không thể hiện bằng văn bản thì không coi là XPVPHC.

- Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt thực hiện việc nhắc nhở thay cho hình thức xử phạt cảnh cáo thì phải thực hiện theo quy định của Luật XLVPHC về biện pháp thay thế XLVPHC đối với người chưa thành niên.

### **1.3. Quy định của pháp luật về hình thức phạt tiền**

1.3.1. Phạt tiền là việc Nhà nước bắt buộc cá nhân, tổ chức có hành vi VPHC bị xử phạt phải nộp một khoản tiền nhất định vào ngân sách nhà nước. Đây là hình thức xử phạt chính, được coi là hình thức xử phạt chủ yếu trong XPVPHC với đa số vi phạm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Phạt tiền tác động trực tiếp đến vật chất, lợi ích kinh tế của người vi phạm, gây ra hậu quả bất lợi về tài sản cho họ. Vì vậy hình thức xử phạt này có hiệu quả rất lớn trong việc đấu tranh phòng chống VPHC.

Luật XLVPHC năm 2012 quy định mức phạt tối thiểu là 50.000 đồng, mức tối đa 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân; từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức. Tuy nhiên đối với từng nhóm hành vi vi phạm ở từng lĩnh vực khác nhau thì mức phạt tối thiểu và tối đa cũng khác nhau. Mức phạt này đã được quy định “khung” tại Điều 24 Luật XLVPHC năm 2012. Đối với những lĩnh vực mới chưa được quy định tại Điều 24 Luật XLVPHC năm 2012 thì Chính phủ xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định nhưng không vượt quá mức tối đa 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi VPHC là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

Việc xác định mức phạt tiền đối với một hành vi VPHC cụ thể trong trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được áp dụng theo nguyên tắc sau đây:

- Khi xác định mức phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng;

- Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi VPHC là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.

1.3.2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, Điều 24 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi bởi điểm a, b khoản 10 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 quy định mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đối với cá nhân như sau:

- Phạt tiền đến 30.000.000 đồng: hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; lưu trữ; tín ngưỡng, tôn



giáo; thi đua, khen thưởng; hành chính tư pháp; dân số; vệ sinh môi trường; thống kê; đối ngoại;

- Phạt tiền đến 40.000.000 đồng: an ninh trật tự, an toàn xã hội; cản trở hoạt động tổ tụng; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giao dịch điện tử; bưu chính;

- Phạt tiền đến 50.000.000 đồng: phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; bổ trợ tư pháp; y tế dự phòng; phòng, chống HIV/AIDS; văn hóa; thể thao; du lịch; quản lý khoa học, công nghệ; chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bảo trợ, cứu trợ xã hội; phòng, chống thiên tai; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; quản lý và bảo tồn nguồn gen (trừ nguồn gen giống vật nuôi); trồng trọt (trừ phân bón); thú y; kế toán; kiểm toán độc lập; phí, lệ phí; quản lý tài sản công; hóa đơn; dự trữ quốc gia; hóa chất; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; đăng ký doanh nghiệp; kiểm toán nhà nước;

- Phạt tiền đến 75.000.000 đồng: cơ yếu; quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia; quốc phòng, an ninh quốc gia; lao động; giáo dục; giáo dục nghề nghiệp; giao thông đường bộ; giao thông đường sắt; giao thông đường thủy nội địa; bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; phòng, chống tệ nạn xã hội;

- Phạt tiền đến 100.000.000 đồng: đê điều; khám bệnh, chữa bệnh; mỹ phẩm; dược, trang thiết bị y tế; chăn nuôi; phân bón; quảng cáo; đặt cược và trò chơi có thưởng; quản lý lao động ngoài nước; giao thông hàng hải; hoạt động hàng không dân dụng; quản lý và bảo vệ công trình giao thông; công nghệ thông tin; viễn thông; tàn số vô tuyến

điện; an ninh mạng; an toàn thông tin mạng; xuất bản; in; thương mại; hải quan, thủ tục thuế; kinh doanh xổ số; kinh doanh bảo hiểm; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý vật liệu nổ; điện lực;

- Phạt tiền đến 150.000.000 đồng: quản lý giá; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở; đấu thầu; đầu tư;

- Phạt tiền đến 200.000.000 đồng: sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Phạt tiền đến 250.000.000 đồng: điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; thủy lợi; sở hữu trí tuệ; báo chí;

- Phạt tiền đến 500.000.000 đồng: xây dựng; lâm nghiệp; đất đai; kinh doanh bất động sản;

- Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng: quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý hạt nhân và chất phóng xạ, năng lượng nguyên tử; tiền tệ, kim loại quý, đá quý, ngân hàng, tín dụng; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; thủy sản.”.

\* Đối với tổ chức, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý nhà nước bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

\* Ngoài các lĩnh vực đã được quy định như trên để đảm bảo tính thống nhất với các quy định của các luật đặc thù có quy định mức xử phạt tính theo số lần giá trị hàng hóa, tang

vật vi phạm, Luật XLVPHC quy định mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực thuế; đo lường; an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chứng khoán; cạnh tranh theo quy định tại các luật tương ứng. Cụ thể như sau:

- Lĩnh vực thuế: Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định XPVPHC về thuế, hóa đơn; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về XPVPHC trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập.

- Lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa: Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ Quy định về XPVPHC trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Lĩnh vực an toàn thực phẩm: Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định về XPVPHC trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định XPVPHC về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định XPVPHC trong lĩnh vực y tế.

- Lĩnh vực chứng khoán: Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định XPVPHC trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Lĩnh vực cạnh tranh: Nghị định số 71/2014/NĐ-CP ngày 21/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh.

#### **1.4. Hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn**

1.4.1. Đây là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Đây cũng là hình thức xử phạt có tính chất nghiêm khắc và có hiệu quả cao trong xử phạt và ngăn ngừa VPHC, nhất là đối với những lĩnh vực liên quan đến trật tự quản lý kinh tế.

Việc quy định tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn đối với hành vi VPHC phải trên cơ sở có đầy đủ các căn cứ sau đây:

- Trực tiếp vi phạm các hoạt động được ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

- Vi phạm có tính chất, mức độ nghiêm trọng xâm hại trật tự quản lý hành chính nhà nước.

- Không quy định tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn trong các trường hợp có quy định pháp luật về việc thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

1.4.2. Việc áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn được thực hiện theo

quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật XLVPHC, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC mà bị xử phạt trong cùng một lần, trong đó có từ hai hành vi vi phạm trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng có thời hạn đối với nhiều loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề khác nhau, thì áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng có thời hạn riêng biệt đối với từng hành vi vi phạm.

Trường hợp có từ hai hành vi vi phạm trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng có thời hạn đối với cùng một loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì áp dụng mức tối đa của khung thời hạn tước quyền sử dụng của hành vi có quy định thời hạn tước dài nhất;

- Trường hợp cá nhân, tổ chức VPHC nhiều lần mà bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trong đó có từ hai hành vi vi phạm trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng có thời hạn cùng một loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì áp dụng mức tối đa của khung thời hạn tước quyền sử dụng đối với hành vi có thời hạn tước dài nhất;

- Trường hợp thời hạn còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngắn hơn thời hạn tước quyền sử dụng của giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì áp dụng thời hạn tước là thời hạn còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.

- Thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề không phụ thuộc vào cơ quan, người đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề mà chỉ thực hiện theo quy định tại Luật XLVPHC.

1.4.3. Cá nhân, tổ chức vi phạm phải giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo yêu cầu thu giữ của người có thẩm quyền xử phạt, trừ trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 7 Điều 125 Luật XLVPHC năm 2012. Việc giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề phải lập thành biên bản và giao 01 bản cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, trừ trường hợp đã lập biên bản tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì biên bản tạm giữ tiếp tục có giá trị cho đến hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quyết định XPVPHC.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định XPVPHC có áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định XPVPHC cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết.

1.4.4. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. Người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề cụ thể đối với một hành vi VPHC là mức trung bình của khung thời gian tước được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung thời gian tước; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn

tốc có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung thời gian tốc.

### **1.5. Hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn**

1.5.1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật XLVPHC năm 2012 quy định: đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức VPHC gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng trong thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.

1.5.2. Hình thức xử phạt này được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng trong thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép;

- Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng trong thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.

Đây là hình thức xử phạt được Luật XLVPHC năm 2012 bổ sung bên cạnh hình thức xử phạt tốc quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn với mục đích giải quyết thực trạng cần có biện pháp xử lý phù hợp

đối với cơ sở kinh doanh hoạt động không yêu cầu có giấy phép hoặc vi phạm một phần nội dung giấy phép. Căn cứ vào Điều 21, Điều 25 Luật XLVPHC năm 2012, khoản 6 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và tính đặc thù của từng lĩnh vực Chính phủ sẽ quy định hình thức xử phạt này là hình thức xử phạt chính hay bổ sung cho từng hành vi vi phạm cụ thể nhằm bảo đảm sự phù hợp, tính hiệu quả của việc xử phạt.

1.5.3. Thời hạn đình chỉ hoạt động có thời hạn là từ 01 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.

Người có thẩm quyền XPVPHC có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt này mà không phụ thuộc vào cơ quan người đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

## **1.6. Hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC**

1.6.1. Theo quy định tại Điều 26 Luật XLVPHC năm 2012 quy định: tịch thu tang vật, phương tiện VPHC là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hóa, phương tiện có liên quan trực tiếp đến VPHC được áp dụng đối với VPHC nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức. Đó là việc tước đoạt quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức vi phạm sang sở hữu của Nhà nước. Đối với những vật không có giá trị hoặc không sử dụng được hoặc là vật phẩm gây hại thì người có thẩm quyền sẽ tiến hành tiêu hủy sau khi tịch thu. Ngoài ý nghĩa là một hình thức xử phạt, việc tịch thu tang vật, phương tiện VPHC còn có ý nghĩa nhằm ngăn chặn,



loại bỏ hoặc hạn chế khả năng tiếp tục VPHC của tổ chức, cá nhân.

Trường hợp tang vật, phương tiện VPHC là ma túy, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm, vật thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành, thì phải quy định tịch thu. Đối với các trường hợp khác, việc quy định tịch thu tang vật, phương tiện VPHC đối với hành vi VPHC phải trên cơ sở có một trong các căn cứ sau đây:

- Vi phạm được thực hiện do lỗi cố ý hoặc vi phạm có tính chất nghiêm trọng;

- Vật, tiền, hàng hóa, phương tiện là tang vật trực tiếp của VPHC hoặc được trực tiếp sử dụng để thực hiện hành vi VPHC, mà nếu không có vật, tiền, hàng hóa, phương tiện này, thì không thể thực hiện được hành vi vi phạm.

1.6.2. Hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC chỉ được áp dụng khi nghị định quy định về XPVPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có quy định hình thức xử phạt này đối với hành vi VPHC cụ thể.

## **1.7. Các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng**

1.7.1. Khắc phục hậu quả là việc người có hành vi VPHC sử dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật nhằm hạn chế hoặc khôi phục tình trạng ban đầu do hành vi VPHC của mình gây ra. Các biện pháp khắc phục hậu quả mang tính cưỡng chế nhà nước được áp dụng khắc phục hậu quả do hành vi VPHC gây ra nhằm hạn chế tối đa thiệt

hại hay khắc phục triệt để hậu quả, bảo đảm lợi ích chung của cộng đồng, hoạt động bình thường của xã hội, trật tự quản lý hành chính nhà nước.

Luật XLVPHC quy định có 9 biện pháp khắc phục hậu quả gồm:

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
- Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;
- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;
- Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;
- Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;
- Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;
- Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;
- Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;
- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện VPHC hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật,

phương tiện VPHC đã bị tiêu thụ, tâu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

Ngoài 9 biện pháp trên các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định trong các nghị định của Chính phủ về XPVPHC.

1.7.2. Nguyên tắc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

- Mọi hậu quả do VPHC gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;

- Đối với mỗi VPHC, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức VPHC có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả.

Về nguyên tắc biện pháp khắc phục hậu quả chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính và được ghi trong quyết định xử phạt. Nhưng để bảo đảm nguyên tắc “Mọi hậu quả do VPHC gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật” được quy định tại Điều 3 Luật XLVPHC năm 2012 đối với trường hợp không ra quyết định xử phạt nhưng hành vi VPHC gây hậu quả cần phải khắc phục thì người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Cụ thể trong các trường hợp sau:

- Người VPHC trong tình thế cấp thiết; phòng vệ chính đáng; do sự kiện bất ngờ; do sự kiện bất khả kháng; không có năng lực chịu trách nhiệm hành chính hoặc chưa đủ tuổi bị XPVPHC theo quy định;

- Không xác định được đối tượng VPHC;

- Hết thời hiệu XPVPHC hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt;

- Cá nhân VPHC chết, mất tích; tổ chức VPHC đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;

- Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 của Luật XLVPHC năm 2012.

### 1.7.3. Biện pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu:

Theo quy định tại Điều 29 Luật XLVPHC năm 2012: cá nhân, tổ chức phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do VPHC của mình gây ra; nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành.

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu chỉ áp dụng để khắc phục hậu quả của một số VPHC, khi có các điều kiện sau:

- Nghị định của Chính phủ về XPVPHC có quy định việc áp dụng biện pháp này đối với hành vi vi phạm cụ thể.

- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi VPHC với sự thay đổi của sự vật so với lúc ban đầu.

- Được người có thẩm quyền quyết định áp dụng cùng hình thức xử phạt chính.

- Việc áp dụng biện pháp này được người có thẩm quyền xử phạt ghi trong quyết định xử phạt. Trong trường hợp người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt thì phải ra quyết định buộc khắc phục hậu quả độc lập.

1.7.4. Biện pháp buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép

Theo quy định tại Điều 30 Luật XLVPHC năm 2012 quy định: biện pháp buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép là biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trật tự quản lý về xây dựng. Ví dụ như xây dựng trên đất lấn chiếm, xây dựng công trình trên hành lang giao thông, mạng lưới điện, đê điều, đất quy hoạch dự án phi dân cư ... Khi vi phạm người vi phạm phải tự phá dỡ. Nếu không thì bị cưỡng chế.

Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép chỉ áp dụng để khắc phục hậu quả của một số VPHC, khi có các điều kiện sau:

- Nghị định của Chính phủ về XPVPHC có quy định việc áp dụng biện pháp này đối với hành vi VPHC cụ thể.
- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi VPHC với công trình xây dựng, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.
- Được người có thẩm quyền quyết định áp dụng cùng hình thức xử phạt chính.
- Việc áp dụng biện pháp này được người có thẩm quyền xử phạt ghi trong quyết định xử phạt. Trong trường

hợp người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt thì phải ra quyết định buộc khắc phục hậu quả độc lập.

1.7.5. Biện pháp buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh

Theo quy định tại Điều 31 Luật XLVPHC năm 2012 quy định: biện pháp buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh là biện pháp khắc phục hậu quả trong XPVPHC được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh. Luật XLVPHC không quy định cụ thể tổ chức, cá nhân vi phạm phải thực hiện những biện pháp gì để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh nhằm bảo đảm tính linh hoạt, chặt chẽ trong quá trình áp dụng.

Do vậy tùy từng trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền sẽ quyết định biện pháp thích hợp và có hiệu quả nhất. Tuy nhiên cũng như áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả khác, việc áp dụng biện pháp này cần tuân thủ các điều kiện sau:

- Nghị định của Chính phủ về XPVPHC có quy định việc áp dụng biện pháp này đối với hành vi VPHC cụ thể.

- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi VPHC với tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.

- Được người có thẩm quyền quyết định áp dụng cùng hình thức xử phạt chính.

- Việc áp dụng biện pháp này được người có thẩm quyền xử phạt ghi trong quyết định xử phạt. Trong trường

hợp người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt thì phải ra quyết định buộc khắc phục hậu quả độc lập.

1.7.6. Biện pháp buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện

Theo quy định tại Điều 32 Luật XLVPHC năm 2012 quy định biện pháp buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện là biện pháp khắc phục hậu quả trong XPVPHC được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi VPHC. Theo đó cá nhân, tổ chức vi phạm phải đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật.

Biện pháp này được áp dụng trong trường hợp chưa đến mức hoặc không cần thiết phải tịch thu những hàng hóa, vật phẩm, phương tiện liên quan đến hành vi VPHC. Bên cạnh đó biện pháp này cũng được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm. Biện pháp này chủ yếu được áp dụng trong quá trình XPVPHC trong lĩnh vực hải quan hoặc các lĩnh vực có liên quan đến xuất nhập khẩu hoặc các hàng hóa, vật

phẩm, phương tiện được đưa từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam.

Đối tượng áp dụng của biện pháp này chia thành hai nhóm:

Nhóm thứ nhất là nhóm hàng hóa, vật phẩm, phương tiện đưa vào lãnh thổ Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật.

Nhóm thứ hai là nhóm hàng tạm nhập tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của Việt Nam.

Ở địa phương chỉ có Chủ tịch UBND tỉnh, Cục trưởng cục Hải quan mới có thẩm quyền.

Việc áp dụng biện pháp này cũng phải có điều kiện tương tự như các biện pháp khác.

1.7.7. Biện pháp buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại được quy định tại Điều 33 Luật XLVPHC năm 2012. Theo đó, cá nhân, tổ chức VPHC phải tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng phải tiêu hủy.

Hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng được hiểu là những vật có trong tự nhiên, sản phẩm do con người tạo ra có chứa chất độc hại trực tiếp hay gián tiếp tác động đến môi trường sống của con người, vật nuôi, cây trồng. Nó có thể ảnh hưởng đến sự phát triển hay



làm cho con người, vật nuôi, cây trồng chết. Do đó luật đã quy định phải áp dụng biện pháp tiêu hủy.

Văn hóa phẩm độc hại được hiểu là những sản phẩm hàng hóa mang ý nghĩa văn hóa, phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của con người có nội dung hoặc hình thức thể hiện trái với thuần phong mỹ tục hoặc mang tính đồi trụy, phản động có hại đến đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng. Với tính chất này văn hóa phẩm độc hại là tang vật của VPHC buộc phải tiêu hủy. Tùy theo tính chất của vụ việc có thể cá nhân tổ chức tự tiêu hủy hay lập hội đồng tiêu hủy.

Việc áp dụng biện pháp này cũng cần tuân thủ các điều kiện như các biện pháp khác.

1.7.8. Biện pháp buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn

Theo quy định tại Điều 34 Luật XLVPHC năm 2012 quy định: biện pháp buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn là biện pháp buộc cá nhân tổ chức VPHC phải cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đã được công bố, đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử đã đưa tin. Việc áp dụng biện pháp này cũng cần tuân thủ các điều kiện như các biện pháp khác.

1.7.9. Biện pháp buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm

Theo quy định tại Điều 35 Luật XLVPHC năm 2012 quy định: biện pháp doanh, vật phẩm là biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng trong XPVPHC buộc cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa hoặc sử dụng phương tiện kinh doanh,

vật phẩm chứa yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện kinh doanh, vật phẩm thì phải loại bỏ các yếu tố vi phạm đó. Việc áp dụng biện pháp này cần tuân thủ những điều kiện tương tự các biện pháp khác.

1.7.10. Biện pháp buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng

Theo quy định tại Điều 36 Luật XLVPHC năm 2012: biện pháp buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng đã đăng ký hoặc công bố và hàng hóa khác không bảo đảm chất lượng, điều kiện lưu thông thì phải thu hồi các sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường. Việc áp dụng biện pháp này cần tuân thủ những điều kiện tương tự các biện pháp khác.

1.7.11. Biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện VPHC hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện VPHC đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật

Theo quy định tại Điều 37 Luật XLVPHC năm 2012: đây là biện pháp khắc phục hậu quả buộc cá nhân, tổ chức vi phạm nộp lại số lợi nhuận bất hợp pháp là tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá trị có được từ VPHC mà cá nhân, tổ chức đã thực hiện để sung vào ngân sách nhà nước hoặc hoàn trả cho người bị chiếm đoạt; Nếu tang vật, phương tiện đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái với quy định của pháp luật thì đối tượng vi phạm phải nộp một khoản tiền ngang với giá trị tang vật, phương tiện đó. Việc áp dụng

biện pháp này cũng cần tuân thủ những điều kiện như các biện pháp khác.

## **1.8. Về thẩm quyền XPVPHC và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả**

1.8.1. Xác định và phân định thẩm quyền XPVPHC và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 52 Luật XLVPHC năm 2012 như sau:

- Thẩm quyền XPVPHC của những người quy định tại các Điều từ 38 đến 51 của Luật XLVPHC năm 2012 (được bổ sung bởi Khoản 17, 20, 24 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020) là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi VPHC của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần cá nhân và được xác định theo tỷ lệ phần trăm quy định tại Luật XLVPHC đối với chức danh đó.

- Thẩm quyền phạt tiền quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật XLVPHC năm 2012 được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

- Chủ tịch UBND các cấp XPVPHC trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương. Người có thẩm quyền XPVPHC quy định tại các Điều từ 39 đến 51 của Luật XLVPHC năm 2012 có thẩm quyền XPVPHC thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý. Trong trường hợp VPHC thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc XPVPHC do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

- Trường hợp vụ việc VPHC có nhiều hành vi vi phạm thì thẩm quyền XPVPHC được xác định theo nguyên tắc sau đây:

Một là, nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện VPHC bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người XPVPHC thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó.

Hai là, nếu hình thức, mức phạt, trị giá tang vật, phương tiện VPHC bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người XPVPHC thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến người có thẩm quyền để giải quyết.

Ba là, nếu hành vi thuộc thẩm quyền XPVPHC của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

Ngoài các nội dung xác định, phân định thẩm quyền nêu trên được quy định trong Luật XLVPHC năm 2012, tại Điều 6 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP cũng quy định về xác định thẩm quyền xử phạt như sau:

- Thẩm quyền phạt tiền của mỗi chức danh phải được quy định cụ thể trong nghị định quy định về XPVPHC. Đối với nghị định có nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước, thì thẩm quyền này phải quy định cụ thể đối với từng lĩnh vực.

Trường hợp thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 và Điều 46

Luật LXVPHC năm 2012 được tính theo tỷ lệ phần trăm mức phạt tiền tối đa của lĩnh vực tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật XLVPHC năm 2012, thì thẩm quyền phạt tiền phải được tính thành mức tiền cụ thể để quy định trong nghị định quy định về XPVPHC trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật XLVPHC năm 2012 có hành vi VPHC mà mức phạt được xác định theo số lần, giá trị tang vật vi phạm, hàng hóa vi phạm, thì thẩm quyền xử phạt của các chức danh quy định tại Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 và Điều 46 Luật XLVPHC năm 2012 được xác định theo tỷ lệ phần trăm mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực đó và phải được tính thành mức tiền cụ thể để quy định trong nghị định quy định về XPVPHC trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Trường hợp nghị định quy định về XPVPHC có quy định nhiều chức danh của các lực lượng có thẩm quyền xử phạt thuộc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau tham gia xử phạt, thì phải quy định rõ thẩm quyền xử phạt của các lực lượng đó đối với từng điều khoản cụ thể.

- Đối với hành vi VPHC vừa bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, vừa bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là trục xuất, thì nghị định quy định về XPVPHC trong lĩnh vực quản lý nhà nước phải quy định thẩm quyền xử phạt đối với hành vi đó cho chức danh có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt trục xuất theo quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 7 Điều 39 Luật LXVPHC năm 2012.

1.8.2. Luật XLVPHC quy định về thẩm quyền phạt tiền theo tỷ lệ % so với mức phạt tối đa quy định tại Điều 24 Luật XLVPHC năm 2012, đồng thời khống chế mức trần đối với một số chức danh có thẩm quyền chung hoặc xử phạt trong nhiều lĩnh vực. Từ quy định này Chính phủ quy định thẩm quyền cụ thể của từng chức danh trong các nghị định quy định XPVPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước cụ thể.

Việc quy định mức phạt theo tỷ lệ % đối với các chức danh cụ thể trong Luật XLVPHC được quy định theo các tiêu chí, điều kiện sau đây:

Một là, thẩm quyền xử phạt của từng chức danh trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước được quy định phải dựa trên chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan đó. Đối với các cơ quan có thẩm quyền xử phạt chung như: Chủ tịch UBND, công an nhân dân, thanh tra... hoặc các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đa ngành đa lĩnh vực thì mức xử phạt tiền được xác định theo các lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012. Các cơ quan quản lý chuyên ngành thì mức xử phạt tiền quy định cụ thể trong lĩnh vực quản lý nhà nước của các cơ quan, chức danh đó tại Điều 24 của Luật XLVPHC.

Hai là, đối với các chức danh có thẩm quyền xử phạt cấp cơ sở là chiến sĩ cảnh sát, thanh tra viên, mức phạt được quy định từ 01 đến 02 % mức phạt tối đa trong lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012.

Ba là, tùy theo cơ cấu, tổ chức của từng cơ quan - lực lượng có thẩm quyền xử phạt, mức xử phạt tỷ lệ % được chia thành các mức khác nhau. Mức thấp nhất là 3%, mức cao nhất là 70%. Ở địa phương, Chủ tịch UBND có ba mức 10%, 50% và mức tối đa; thanh tra có ba mức 50%, 70% và mức tối đa.

Bốn là, mức phạt của người có thẩm quyền xử phạt liên hệ với người có thẩm quyền đến mức tối đa trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước về cơ bản được quy định là 50% mức phạt tối đa của lĩnh vực đó.

### **1.9. Thẩm quyền XPVPHC của Chủ tịch UBND các cấp và các chức danh khác ở địa phương**

1.9.1. Thẩm quyền XPVPHC của Chủ tịch UBND các cấp theo Điều 38 Luật XLVPHC năm 2012 như sau:

- Chủ tịch UBND cấp xã có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không quá 5.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt thuộc thẩm quyền; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Chủ tịch UBND cấp huyện có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không quá 100.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình

chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

#### 1.9.2. Các chức danh có thẩm quyền ở địa phương

- Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 1% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không quá 500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Chánh Thanh tra sở; Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục trưởng Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế; Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản, thủy lợi, đê điều, phòng,



chống thiên tai, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh; các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không quá 50.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 46 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Cục trưởng Cục Thống kê, Giám đốc Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh; các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 70% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không quá 250.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 46 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Kiểm lâm viên đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng.

Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 10.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Luật XLVPHC năm 2012.

Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 25.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 43 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật XLVPHC năm 2012; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Công chức Thuế đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng.

Đội trưởng Đội Thuế có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

Chi cục trưởng Chi cục Thuế có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 25.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt tiền phạt thuộc thẩm quyền; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

Cục trưởng Cục Thuế có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 70.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng.

Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 25.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 45 Luật XLVPHC năm 2012; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ

hoạt động có thời hạn; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 1% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không quá 500.000 đồng.

Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật XLVPHC năm 2012; có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 3% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không quá 1.500.000 đồng.

Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủ đội trưởng có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không quá 2.500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 39 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng

phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không quá 25.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không quá 100.000.000 đồng; tước quyền sử

dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 39 Luật XLVPHC năm 2012; quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 1.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Luật XLVPHC năm 2012.

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc phá sản có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 5.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh tòa chuyên trách Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự khu vực có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 7.500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều Luật XLVPHC năm 2012.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự quân khu và tương đương có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật XLVPHC năm 2012-được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Chấp hành viên thi hành án dân sự đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng.

Chi Cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 2.500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Trưởng phòng Phòng Thi hành án cấp quân khu có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 20.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 49 Luật XLVPHC năm 2012; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

## **2. Thủ tục xử phạt, quyết định xử phạt và thi hành quyết định xử phạt**

### **2.1. Thủ tục XPVPHC**

Thủ tục XPVPHC được quy định từ Điều 55 đến Điều 68 Luật XLVPHC năm 2012. Theo đó, có hai loại thủ tục XPVPHC là: thủ tục XPVPHC không lập biên bản VPHC và thủ tục XPVPHC có lập biên bản VPHC, hồ sơ XPVPHC. Cụ thể như sau:

2.1.1. Thủ tục XPVPHC không lập biên bản VPHC theo quy định tại Điều 56 Luật XLVPHC được áp dụng trong trường hợp cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt tại chỗ. Thủ tục này áp dụng đối với những trường hợp vi phạm đơn giản, rõ ràng không có tình tiết phức tạp phải xác minh thêm. Việc quy định thủ tục này nhằm giải quyết nhanh chóng và khắc phục tình trạng vi phạm nhỏ mà cũng phải chuyển lên trên để xử phạt. Mức phạt được quy định là mức tiền phạt cụ thể đối với vi phạm cụ thể mà không phải là mức tối đa hoặc tối thiểu của khung tiền phạt. Từ mức khung hình phạt cụ thể trong các nghị định quy định XPVPHC trong các lĩnh vực người có thẩm quyền xử phạt căn cứ vào tính chất mức độ, tình tiết giảm nhẹ của vi phạm để quyết định mức tiền phạt cụ thể. Nếu mức tiền phạt đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức thì người có thẩm quyền xử phạt quyết định xử phạt tại chỗ mà không cần lập biên bản.

2.1.2. Thủ tục XPVPHC có lập biên bản, hồ sơ XPVPHC được áp dụng đối với tất cả những VPHC không thuộc trường



hợp XPVPHC theo thủ tục xử phạt không lập biên bản VPHC. Có nghĩa là, trường hợp hành vi vi phạm bị phạt tiền 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức trở lên thì người có thẩm quyền XPVPHC phải áp dụng thủ tục xử phạt có lập biên bản, hồ sơ XPVPHC. Việc xử phạt có lập biên bản, người có thẩm quyền xử phạt phải thiết lập hồ sơ XPVPHC. Hồ sơ gồm: Biên bản VPHC, quyết định XPVPHC và các giấy tờ khác có liên quan. Hồ sơ phải được đánh số bút lục.

## **2.2. Lập biên bản VPHC**

Một quy trình XPVPHC bao gồm: phát hiện và buộc chấm dứt hành vi VPHC; lập biên bản VPHC; áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm XPVPHC; xem xét, quyết định xử phạt; thi hành quyết định xử phạt.

### **2.2.1. Lập và chuyển biên bản VPHC**

- Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ khi phát hiện VPHC phải lập biên bản VPHC.

Đối với hành vi có dấu hiệu VPHC không thuộc thẩm quyền lập biên bản VPHC hoặc không thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình, thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ phải lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền;

- Trường hợp vụ việc phải giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm tang vật, phương tiện và các trường hợp cần thiết khác, thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thể lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc.

Biên bản làm việc là một trong những căn cứ để lập biên bản VPHC.

- Trường hợp phát hiện VPHC bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thì địa điểm lập biên bản VPHC thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012 -được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020.

- Việc chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đến người có thẩm quyền XPVPHC để lập biên bản VPHC và ra quyết định XPVPHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân tổ chức cung cấp để phát hiện VPHC.

#### 2.2.2. Thời hạn lập biên bản VPHC

Biên bản VPHC được lập trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện VPHC.

Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì biên bản VPHC được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện VPHC;

Trường hợp VPHC được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan, thì biên bản VPHC được lập trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày xác

định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan;

Trường hợp VPHC xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa, thì người có thẩm quyền lập biên bản VPHC hoặc người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm lập biên bản VPHC và chuyển cho người có thẩm quyền XPVPHC trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga;

Trường hợp một vụ việc có nhiều hành vi VPHC khác nhau, trong đó có hành vi được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan, thì biên bản VPHC được lập đối với các hành vi trong vụ việc đó trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được đầy đủ kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan.

### 2.2.3. Lập biên bản VPHC trong một số trường hợp cụ thể

- Một hành vi VPHC chỉ bị lập một biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của

người có thẩm quyền, vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm đó, thì người có thẩm quyền phải áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC phù hợp để chấm dứt hành vi vi phạm. Khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền xử phạt có thể áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật XLVPHC năm 2012 hoặc xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền trong trường hợp nghị định quy định về XPVPHC trong lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng có quy định và xử phạt đối với hành vi vi phạm đã lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt;

- Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC khác nhau trong cùng một vụ vi phạm, thì người có thẩm quyền lập một biên bản VPHC, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm;

- Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi VPHC trong cùng một vụ vi phạm, thì người có thẩm quyền có thể lập một hoặc nhiều biên bản VPHC đối với từng cá nhân, tổ chức vi phạm. Trường hợp giá trị tang vật, phương tiện VPHC khác nhau, thì người có thẩm quyền phải ghi rõ giá trị tang vật, phương tiện VPHC của từng cá nhân, tổ chức vi phạm;

- Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC khác nhau trong cùng một vụ vi phạm, thì người có thẩm quyền có thể lập một hoặc nhiều biên bản VPHC, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức;

- Trường hợp cá nhân, tổ chức VPHC nhiều lần, thì người có thẩm quyền lập một biên bản VPHC, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm và từng lần vi phạm.

#### 2.2.4. Nội dung của biên bản VPHC

Biên bản VPHC phải bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản;
- Họ và tên, chức vụ người lập biên bản;
- Thông tin về cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm;
- Mô tả cụ thể, đầy đủ vụ việc, hành vi vi phạm;
- Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC;
- Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm (đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền);
- Lời khai của người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại (nếu có); ý kiến của cha mẹ hoặc của người giám hộ trong trường hợp người chưa thành niên VPHC (nếu có);
- Quyền và thời hạn giải trình về VPHC của cá nhân, tổ chức vi phạm, cơ quan của người có thẩm quyền tiếp nhận giải trình; trường hợp cá nhân, tổ chức không yêu cầu giải trình, thì phải ghi rõ ý kiến vào biên bản;
- Thời gian, địa điểm người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm phải có mặt để giải quyết vụ việc;

- Họ và tên người nhận, thời gian nhận biên bản trong trường hợp biên bản được giao trực tiếp.

#### 2.2.5. Ký biên bản VPHC

- Biên bản VPHC phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký, trừ trường hợp biên bản được lập theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012-được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người phiên dịch, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại, thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều trang, thì phải ký vào từng trang biên bản;

- Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc có mặt nhưng từ chối ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc trường hợp không xác định được đối tượng VPHC, thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến, thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

#### 2.2.6. Giao biên bản VPHC

- Biên bản VPHC lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức VPHC 01 bản, trừ trường hợp không xác định được

cá nhân, tổ chức VPHC. Trường hợp VPHC không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản;

- Trường hợp người chưa thành niên VPHC, thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó;

- Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi lập biên bản VPHC hoặc có mặt nhưng từ chối nhận hoặc có căn cứ cho rằng cá nhân, tổ chức vi phạm trốn tránh không nhận biên bản, thì việc giao biên bản VPHC được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật XLVPHC năm 2012 về việc gửi quyết định XPVPHC để thi hành.

2.2.7. Biên bản VPHC được lập, gửi bằng phương thức điện tử theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012-được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 thực hiện theo quy định tại nghị định quy định về XPVPHC trong lĩnh vực quản lý nhà nước, phù hợp với tính chất của từng lĩnh vực.

2.2.8. Người có thẩm quyền lập biên bản VPHC, cá nhân, tổ chức liên quan nếu có lỗi trong việc chuyển biên bản VPHC hoặc hồ sơ vụ vi phạm không đúng thời hạn dẫn đến quá thời hạn ra quyết định xử phạt, thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **2.3. Xác minh, giải trình, xác định giá trị tang vật, phương tiện trong vụ VPHC; chuyển vụ việc VPHC**

2.3.1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật XLVPHC năm 2012 quy định: khi xem xét ra quyết định XPVPHC, trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền XPVPHC có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây:

- Có hay không có VPHC;
- Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi VPHC, lỗi, nhân thân của cá nhân VPHC;
- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;
- Tính chất, mức độ thiệt hại do VPHC gây ra;
- Trường hợp không ra quyết định XPVPHC theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật XLVPHC;
- Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.

Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định.

Việc xác minh tình tiết của vụ việc VPHC phải được thể hiện bằng văn bản.

Người có thẩm quyền xử phạt có thể tự mình hoặc ủy quyền cho người khác thay mình xác minh.

2.3.2. Việc xác định giá trị tang vật, phương tiện VPHC nhằm mục đích làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm



quyền xử phạt; để xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá trong trường hợp tang vật vi phạm bị tịch thu.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC năm 2012- được bổ sung tại điểm d khoản 72 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, tùy theo loại tang vật, phương tiện cụ thể, việc xác định giá trị dựa trên một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hoá đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu;

- Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra VPHC;

- Giá thành của tang vật, phương tiện nếu là hàng hoá chưa xuất bán;

- Đối với tang vật, phương tiện là hàng giả thì giá của tang vật đó là giá thị trường của hàng hoá thật hoặc hàng hoá có cùng tính năng, kỹ thuật, công dụng tại thời điểm nơi phát hiện VPHC.

Trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định trên để xác định giá trị tang vật, phương tiện VPHC làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật vi phạm và thành lập Hội đồng định giá. Hội đồng định giá gồm có người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện để xác định giá trị không quá 48 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp thật cần thiết thì thời hạn có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 48 giờ. Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ chi trả. Thủ tục, biên bản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại Điều 125 của Luật XLVPHC năm 2012.

Căn cứ để xác định giá trị và các tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị tang vật VPHC phải thể hiện trong hồ sơ XPVPHC.

2.3.3. Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, thủ tục giải trình được áp dụng trong vụ XPVPHC đối với hành vi VPHC mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc quy định mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền XPVPHC. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức VPHC để ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không yêu cầu giải trình.

Giải trình phải được tiến hành trước khi người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt, tại thời điểm này

người có thẩm quyền xử phạt có thể chưa có cơ sở để xác định chính xác mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm, đồng thời cũng thể hiện tính dân chủ, công khai, minh bạch của việc XPVPHC.

Trình tự thủ tục giải trình được quy định tại Điều 61 của Luật XLVPHC năm 2012 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP rất chặt chẽ. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức VPHC trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn luật định.

- Đối với trường hợp giải trình trực tiếp, cá nhân, tổ chức, VPHC phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền XPVPHC trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản VPHC.

Người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm.

Người có thẩm quyền xử phạt tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý, tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi VPHC, bình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm. Cá nhân, tổ chức VPHC, người đại diện hợp pháp của họ có quyền tham gia phiên giải trình và đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan; trường hợp biên bản gồm nhiều trang thì các bên phải ký vào từng trang biên bản. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ XPVPHC và giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ 01 bản.

- Đối với trường hợp giải trình bằng văn bản, cá nhân, tổ chức VPHC phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền XPVPHC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản VPHC.

Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền xử phạt có thể gia hạn nhưng không quá 05 ngày làm việc theo đề nghị của cá nhân, tổ chức vi phạm. Việc gia hạn của người có thẩm quyền xử phạt phải bằng văn bản.

Cá nhân, tổ chức VPHC tự mình hoặc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp của mình thực hiện việc giải trình bằng văn bản.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền XPVPHC hoặc không gửi văn bản đề nghị gia hạn thời hạn giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 hoặc ghi rõ ý kiến trong biên bản VPHC về việc không thực hiện quyền giải trình, thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi,

bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm có yêu cầu giải trình theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 61 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020.

- Cá nhân, tổ chức VPHC không yêu cầu giải trình nhưng trước khi hết thời hạn quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 61 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 lại có yêu cầu giải trình, thì người có thẩm quyền XPVPHC có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm theo thủ tục quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 61 Luật LXVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, trừ trường hợp phải áp dụng ngay biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch, bệnh đối với tang vật VPHC là động vật, thực vật sống, hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng, khó bảo quản hoặc tang vật, phương tiện

VPHC có nguy cơ hoặc có khả năng gây ô nhiễm môi trường, lây lan dịch, bệnh.

- Việc giải trình và xem xét ý kiến giải trình được thể hiện bằng văn bản và lưu trong hồ sơ xử phạt.

- Trường hợp khi lập biên VPHC chưa xác định được người có thẩm quyền xử phạt, thì cá nhân, tổ chức vi phạm gửi văn bản giải trình đến người có thẩm quyền lập biên bản. Người có thẩm quyền lập biên bản chuyển hồ sơ vụ việc cùng văn bản giải trình cho người có thẩm quyền ngay khi xác định được thẩm quyền XPVPHC.

2.3.4. Theo quy định tại Điều 62 Luật XLVPHC năm 2012, khi tiến hành thủ tục XPVPHC nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền XPVPHC phải chuyển vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc chuyển vụ việc vi phạm có dấu hiệu được thực hiện như sau:

- Trong quá trình xem xét vụ vi phạm để ra quyết định xử phạt, nếu xét thấy có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

- Trong quá trình thi hành quyết định XPVPHC, nếu hành vi vi phạm được phát hiện dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự người đã ra quyết định xử phạt hành chính phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ

quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. Nếu đã thi hành xong quyết định xử phạt mà phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm nhưng chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người ra quyết định XPVPHC phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

- Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân vi phạm.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền XPVPHC phải hủy bỏ quyết định XPVPHC và chuyển toàn bộ tang vật, phương tiện VPHC và tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

2.3.5. Theo quy định tại Điều 63 Luật XLVPHC năm 2012, đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm, hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu VPHC thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị XPVPHC đến người có thẩm quyền XPVPHC trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

Việc XPVPHC được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc VPHC theo quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC.

Thời hạn ra quyết định XPVPHC là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường hợp cần xác minh thêm thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày.

## **2.4. Quyết định XPVPHC**

2.4.1. Theo quy định tại Điều 65 Luật XLVPHC, những trường hợp sau đây có hành vi VPHC nhưng không ra quyết định xử phạt:

- Thực hiện hành vi VPHC trong tình thế cấp thiết;
- Thực hiện hành vi VPHC do phòng vệ chính đáng;
- Thực hiện hành vi VPHC do sự kiện bất ngờ;
- Thực hiện hành vi VPHC do sự kiện bất khả kháng;
- Người thực hiện hành vi VPHC không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi VPHC chưa đủ tuổi bị XPVPHC;
- Không xác định được đối tượng VPHC;
- Hết thời hiệu XPVPHC hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt;
- Cá nhân VPHC chết, mất tích, tổ chức VPHC đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;



- Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Theo khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC- được sửa đổi tại khoản 33 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 quy định, đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 Luật XLVPHC năm 2012, người có thẩm quyền không ra quyết định XPVPHC nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện VPHC nếu tang vật, phương tiện VPHC thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi VPHC đó.

Quyết định phải ghi rõ lý do không ra quyết định XPVPHC; tang vật, phương tiện VPHC bị tịch thu; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện.

Việc tịch thu tang vật, phương tiện VPHC, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản này không bị coi là đã bị XPVPHC.

2.4.2. Thời hạn ra quyết định XPVPHC được quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, cụ thể như sau:

- Thời hạn ra quyết định XPVPHC là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản VPHC; vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời

hạn ra quyết định XPVPHC là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản VPHC, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 63 của Luật XLVPHC năm 2012.

- Đối với vụ việc mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC năm 2012 thì thời hạn ra quyết định XPVPHC là 01 tháng, kể từ ngày lập biên bản VPHC.

- Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản VPHC.

Người có thẩm quyền XPVPHC, cá nhân, tổ chức liên quan nếu có lỗi trong việc để quá thời hạn mà không ra quyết định xử phạt thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Mặc dù hành vi VPHC không bị xử phạt do quá thời hạn ra quyết định nhưng biện pháp khắc phục hậu quả vẫn được áp dụng, không phụ thuộc vào nghị định về XPVPHC có quy định biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm đó hay không.

2.4.3. Quyết định XPVPHC có 2 loại, đó là quyết định XPVPHC tại chỗ đối với trường hợp XPVPHC không lập biên bản VPHC và quyết định XPVPHC có lập biên bản, hồ sơ VPHC.

Theo khoản 2 Điều 56 Luật XLVPHC năm 2012 quy định nội dung quyết định xử phạt không lập biên bản VPHC gồm:

- Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm;
- Hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm;
- Chứng cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm;
- Họ tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt;
- Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng.
- Mức tiền phạt. Nếu không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì mức tiền phạt được áp dụng là mức trung bình của mức thấp nhất và mức cao nhất trong khung xử phạt đối với hành vi vi phạm. (Ví dụ: mức khung xử phạt đối với hành vi vi phạm là từ 300.000 ngàn đến 500.000 ngàn thì mức tiền phạt cho hành vi này là 400.000 ngàn).

Theo khoản 1 Điều 68 Luật XLVPHC năm 2012 quy định nội dung quyết định xử phạt có lập biên bản, hồ sơ VPHC gồm:

- Địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;
- Biên bản VPHC, kết quả xác minh, văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc biên bản họp giải trình và tài liệu khác (nếu có);
- Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

- Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ và họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của tổ chức vi phạm;

- Hành vi VPHC; tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;

- Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;

- Hình thức xử phạt chính; hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

- Quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định XPVPHC;

- Hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định XPVPHC, nơi nộp tiền phạt (Hiệu lực thi hành quyết định là 10 ngày kể từ ngày ký ban hành, nếu hiệu lực dài hơn 10 ngày thì phải ghi rõ trong quyết định);

- Họ tên, chữ ký của người ra quyết định XPVPHC;

- Trách nhiệm thi hành quyết định XPVPHC và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị XPVPHC không tự nguyện chấp hành.

Ngoài những nội dung trên, theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP đối với một số trường hợp cụ thể, quyết định XPVPHC còn có một số nội dung sau: thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người đã ra quyết định xử phạt gửi văn bản về việc công bố công khai và bản sao quyết định XPVPHC đến trang thông tin điện tử hoặc báo của cơ quan quản lý cấp bộ, cấp sở hoặc của UBND cấp tỉnh nơi xảy ra VPHC trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt đối với các hành vi VPHC về an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược;

khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội.

Nội dung thông tin công bố công khai gồm: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân, quốc tịch của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi VPHC; hình thức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả và thời gian thực hiện.

Người đứng đầu cơ quan báo hoặc người chịu trách nhiệm quản lý nội dung của trang thông tin điện tử và thời hạn công bố công khai có trách nhiệm: đăng đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản về việc công bố công khai và bản sao quyết định XPVPHC; đăng công khai thông tin đối với mỗi quyết định XPVPHC ít nhất 01 lần, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày; đăng tin chính trong thời hạn 01 ngày làm việc trên trang thông tin điện tử hoặc số báo tiếp theo, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

2.4.5. Sau khi quyết định XPVPHC được ban hành hoặc đang trong quá trình tổ chức thi hành mà phát hiện có sai sót thì tùy thuộc vào tính chất, mức độ mà có thể hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần nội dung quyết định.

- Những trường hợp sau đây phải hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định:

+ Không đúng đối tượng vi phạm;

- + Vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành quyết định;
- + Vi phạm quy định về thủ tục ban hành quyết định;
- + Vi phạm một số quy định về những hành vi bị cấm theo quy tại Điều 12 Luật XLVPHC năm 2012: giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để XLVPHC; xác định hành vi VPHC không đúng; áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi VPHC; giả mạo, làm sai lệch hồ sơ XPVPHC, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- + Ban hành quyết định XPVPHC trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật XLVPHC năm 2012 (cụ thể: trường hợp không XPVPHC theo quy định tại Điều 11<sup>3</sup> của Luật XLVPHC năm 2012; không xác định được đối tượng VPHC; hết thời hiệu XPVPHC quy định tại Điều 6<sup>4</sup> hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66<sup>5</sup> của Luật XLVPHC năm 2012; cá nhân VPHC chết, mất tích, tổ chức VPHC đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt; chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 của Luật XLVPHC năm 2012);

---

<sup>3</sup> Thực hiện hành vi VPHC trong tình thế cấp thiết; Thực hiện hành vi VPHC do phòng vệ chính đáng; Thực hiện hành vi VPHC do sự kiện bất ngờ; Thực hiện hành vi VPHC do sự kiện bất khả kháng; Người thực hiện hành vi VPHC không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi VPHC chưa đủ 14 tuổi.

<sup>4</sup> Được sửa đổi bổ sung bởi khoản 4; điểm b khoản 72 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020

<sup>5</sup> Được sửa đổi bổ sung bởi khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020

- Các trường hợp sau đây thì có thể đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính:

+ Đình chính khi có sai sót về kỹ thuật soạn thảo.

+ Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định nếu quyết định có sai sót, vi phạm mà không thuộc các trường hợp hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định và trường hợp đình chính.

2.4.6 Trong các trường hợp quyết định XPVPHC bị hủy bỏ do: không đúng đối tượng vi phạm; vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành quyết định; vi phạm quy định về thủ tục ban hành quyết định; xác định hành vi vi phạm hành chính không đúng; áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính; giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu có căn cứ để ban hành quyết định mới, thì người đã ban hành quyết định phải ban hành quyết định mới hoặc chuyển người có thẩm quyền ban hành quyết định mới.

2.4.7. Thời hạn đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần là 1 năm, kể từ ngày ra quyết định, trừ trường hợp hết thời hiệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC năm 2012 – được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 4 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 (cụ thể: thời hiệu XPVPHC là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây: VPHC về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở

hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đê điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu XPVPHC là 02 năm. VPHC về thuế thì thời hiệu XPVPHC theo quy định của pháp luật về quản lý thuế).

- Không áp dụng thời hạn trong việc hủy bỏ toàn bộ quyết định đã được ban hành từ ngày Luật XLVPHC năm 2012 có hiệu lực thi hành mà thuộc trường hợp phải ban hành quyết định hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định.

- Không áp dụng thời hạn đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định đối với các trường hợp sau đây: quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật XLVPHC năm 2012-được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020; có quyết định giải quyết khiếu nại của người hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại về việc phải sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định; có kết luận nội dung tố cáo của người hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo về việc phải sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định; có bản án, quyết định của Tòa án về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định bị khởi kiện.



- Đối với trường hợp có căn cứ ban hành quyết định mới, nếu có căn cứ ban hành quyết định mới, thì người có thẩm quyền phải lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 Luật XLVPHC năm 2012.

Thời hạn ban hành quyết định mới theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC năm 2012-được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 kể từ ngày lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính.

- Đối với Quyết định có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả được đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần thuộc trường hợp không áp dụng thời hạn chỉ được đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần nội dung liên quan đến việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Quyết định đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ, quyết định mới ban hành có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc một thời điểm cụ thể sau ngày ký quyết định và được ghi trong quyết định.

Thời hạn thi hành quyết định đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần, quyết định mới ban hành là 10 ngày, kể từ ngày cá nhân, tổ chức vi phạm nhận được quyết định; trường hợp quyết định mới ban hành có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày, thì thực hiện theo thời hạn đó.

Thời hiệu thi hành quyết định đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần, quyết định mới ban hành: thời hiệu thi hành quyết định đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần, quyết định mới ban hành là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần, quyết định mới; Trường hợp phải nhiều lần thực hiện việc đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần, ban hành quyết định mới, thì thời hiệu là 02 năm, kể từ ngày ra quyết định được đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần; Quá thời hạn quy định tại các điểm a và b khoản này, thì không thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả, thì vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn, thì thời hiệu nói trên được tính kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

## **2.5. Thi hành quyết định XPVPHC**

### **2.5.1. Gửi quyết định XPVPHC**

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định XPVPHC có lập biên bản, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành.

Nếu người vi phạm cố tình không nhận thì phải lập biên bản có xác nhận của chính quyền sở tại và được coi là quyết định đã được giao. Trường hợp gửi qua đường bưu điện mà

3 lần vẫn bị trả lại do người bị xử phạt cố tình không nhận, **sau 10 ngày** kể từ ngày quyết định bị trả lại, quyết định được niêm yết tại nơi cư trú của người bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng họ cố tình trốn tránh không nhận thì coi như quyết định đã được giao.

Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi VPHC ở địa bàn tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn tỉnh khác và không có điều kiện thi hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành. Nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến UBND cấp huyện để tổ chức thi hành.

Trường hợp VPHC xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác thuộc phạm vi ở một tỉnh miền núi, hải đảo, vùng xa xôi hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn và cá nhân, tổ chức không có điều kiện thi hành quyết định XPVPHC thì quyết định XPVPHC được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để thi hành.

Cơ quan của người có thẩm quyền XPVPHC đối với hai trường hợp nêu trên có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan; tang vật, phương tiện VPHC (nếu có) cho cơ quan tiếp nhận quyết định XPVPHC để thi hành. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có trách nhiệm chi trả phí vận chuyển hồ sơ, tài liệu; tang vật, phương tiện VPHC đó.

### 2.5.2. Thi hành quyết định XPVPHC

Cá nhân, tổ chức bị XPVPHC phải chấp hành quyết định XPVPHC trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày nhận quyết định XPVPHC; trường hợp quyết định XPVPHC có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt, các cơ quan, tổ chức liên quan phải chấp hành vô điều kiện đối với quyết định XPVPHC. Nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện thi hành thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành.

### 2.5.3. Thời hiệu thi hành quyết định XPVPHC

Thời hiệu thi hành quyết định XPVPHC là **01 năm**, kể từ ngày ra quyết định, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC, biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện VPHC, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

### 2.5.4. Hoãn thi hành quyết định hình phạt tiền

Cá nhân, tổ chức bị phạt tiền có thể được hoãn thi hành quyết định phạt tiền khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1<sup>6</sup> Điều 76 Luật XLVPHC năm 2012 - được

---

<sup>6</sup> “1. Việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Cá nhân bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, tổ chức bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng trở lên; b) Cá nhân đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn; tổ chức đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh. Trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì

sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020.

Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định XPVPHC kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định gửi người đã ra quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật XLVPHC năm 2012. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định XPVPHC xem xét, quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt đó.

Thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn.

Cá nhân, tổ chức được hoãn chấp hành quyết định xử phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện VPHC đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật XLVPHC.

Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền được thực hiện theo Mẫu Quyết định số 03 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

#### 2.5.5. Giảm, miễn tiền phạt

---

phải có xác nhận của UBND cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên. Trường hợp tổ chức đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh thì phải có xác nhận của UBND cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.”

Cá nhân, tổ chức bị phạt tiền được giảm, miễn một phần tiền phạt hoặc miễn phần còn lại tiền phạt hoặc miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 77 Luật XLVPHC năm 2012 – được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 38<sup>7</sup> Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020.

---

<sup>7</sup> 1. Việc giảm một phần tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt đối với cá nhân, tổ chức đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định được quy định như sau: a) Cá nhân tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của UBND cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; b) Tổ chức tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của UBND cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp. 2. Cá nhân được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt do không có khả năng thi hành quyết định nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; b) Đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này nhưng gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của UBND cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên. 3. Tổ chức được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây: a) Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này; b) Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt; c) Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của UBND cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp

Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị giảm, miễn tiền phạt kèm theo xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền gửi người đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định việc giảm, miễn và thông báo cho người có đơn đề nghị giảm, miễn biết; nếu không đồng ý với việc giảm, miễn thì phải nêu rõ lý do.

Cá nhân, tổ chức được giảm, miễn tiền phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật XLVPHC năm 2012.

Quyết định giảm, miễn tiền phạt còn lại hoặc toàn bộ tiền phạt phải bằng văn bản thực hiện theo Mẫu Quyết định số 04 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

---

trên trực tiếp. 4. Cá nhân không có khả năng thi hành quyết định được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của UBND cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; b) Bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của UBND cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên. 5. Tổ chức được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây: a) Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này; b) Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt; c) Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của UBND cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp

### 2.5.6. Nộp tiền phạt

Điều 78 Luật XLVPHC năm 2012, khoản 39 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, Điều 20, Điều 21 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó; cá nhân, tổ chức bị xử phạt tiền thực hiện việc nộp tiền phạt thông qua 02 hình thức sau: (i) nộp tiền mặt trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc tại ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản được ghi trong quyết định xử phạt; (ii) chuyển khoản vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt thông qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Nếu quá thời hạn trên thì bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và cứ mỗi ngày nộp chậm thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

Cá nhân, tổ chức VPHC bị phạt tiền phải nộp tiền một lần, trừ trường hợp được áp dụng nộp tiền nhiều lần khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật XLVPHC năm 2012 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, cụ thể là: Bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân và từ 150.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức và đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế và có đơn đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần. Đơn đề nghị của cá



nhân phải được UBND cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc xác nhận hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế. Đơn đề nghị của tổ chức phải được UBND cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp xác nhận hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế.

Người đã ra quyết định xử phạt tiền có thẩm quyền quyết định việc nộp tiền phạt nhiều lần. Trong thời hạn **05 ngày**, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần người đã ra quyết định phạt tiền phải trả lời bằng văn bản cho người đề nghị; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

Quyết định nộp tiền phạt nhiều lần thực hiện theo Mẫu Quyết định số 05 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

2.5.7. Theo quy định tại Điều 75 Luật XLVPHC năm 2012, trong trường hợp cá nhân bị xử phạt chết, mất tích hoặc tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản thì không thi hành quyết định phạt tiền nhưng vẫn thi hành hình thức phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC và biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong quyết định.

Trên cơ sở đó, tại Điều 19 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định thủ tục thi hành quyết định XPVPHC trong trường hợp này như sau:

Trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản theo quy định tại Điều 75 Luật Xử lý VPHC, mà quyết định xử phạt vẫn còn thời hiệu thi

hành, thì người đã ra quyết định xử phạt phải ra quyết định thi hành một phần quyết định XPVPHC trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày người bị xử phạt chết được ghi trong giấy chứng tử; người bị mất tích được ghi trong quyết định tuyên bố mất tích; kể từ thời điểm cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo về việc doanh nghiệp giải thể; thời điểm quyết định tuyên bố phá sản có hiệu lực. Quyết định thi hành gồm các nội dung: đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt, lý do đình chỉ; trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC và biện pháp khắc phục hậu quả tiếp tục thi hành.

Cá nhân, tổ chức đang quản lý tang vật, phương tiện VPHC có trách nhiệm thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC;

Cá nhân là người được hưởng di sản thừa kế được xác định theo quy định của pháp luật dân sự về thừa kế có trách nhiệm tiếp tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong phạm vi di sản thừa kế.

- Gửi quyết định thi hành một phần quyết định XPVPHC:

+ Quyết định thi hành một phần quyết định XPVPHC trong trường hợp tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản phải được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc giải thể, phá sản; người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị giải thể, phá sản để thi hành;

+ Quyết định thi hành một phần quyết định XPVPHC phải được gửi cho cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và điểm a khoản 3

Điều 19 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

- Thủ tục thi hành một phần quyết định XPVPHC:

+ Thủ tục thi hành một phần quyết định XPVPHC quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Phần thứ hai Luật Xử lý VPHC năm 2012;

+ Trường hợp quá thời hạn thi hành quyết định mà cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP không thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, thì cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ việc VPHC phải tổ chức thực hiện.

Chi phí thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả được khấu trừ từ di sản thừa kế mà người bị xử phạt để lại hoặc tài sản còn lại của tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản và được coi là một trong những khoản chi phí ưu tiên thanh toán (nếu có).

Trường hợp người bị xử phạt chết không để lại di sản thừa kế, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản không còn tài sản, thì việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Luật Xử lý VPHC năm 2012.

Người thừa kế của người bị xử phạt chết, mất tích, người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản có quyền giám sát, khiếu nại khởi kiện đối với các chi phí tổ chức thực hiện và việc thanh toán chi phí thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

## **2.6. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn (Điều 80 Luật XLVPHC năm 2012, khoản 41 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020)**

**2.6.1.** Trường hợp quyết định XPVPHC có ghi tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, người có thẩm quyền xử phạt thu giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề và thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết.

Trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày ra quyết định tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền ra quyết định phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó: đối với trường hợp đặc biệt, nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khả năng thực tế gây hậu quả tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường thì người có thẩm quyền xử phạt còn phải thông báo đến những cơ quan có liên quan.

Trong thời gian tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép.

Khi hết hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề ghi trong quyết định xử phạt người có thẩm quyền xử phạt giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cá nhân, tổ chức đã bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.

Khi thu giữ hoặc giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho tổ chức, cá nhân, người có thẩm quyền xử phạt

cần thiết lập văn bản thể hiện việc thu giữ và bàn giao này và lưu giữ văn bản này trong hồ sơ XPVPHC.

**2.6.2.** Trường hợp phát hiện giấy phép, chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật thì người có thẩm quyền xử phạt phải tạm giữ và ra quyết định thu hồi ngay theo thẩm quyền; trường hợp không thuộc thẩm quyền thu hồi thì tạm giữ và trong thời hạn **02 ngày làm việc**, kể từ ngày phát hiện, phải chuyển giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp để xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho cá nhân, tổ chức vi phạm biết.

**2.6.3.** Trong trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC mà bị xử phạt trong cùng một lần, trong đó có từ hai hành vi trở lên bị áp dụng xử phạt tước quyền sử dụng cùng một loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì áp dụng thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề của hành vi VPHC có thời hạn tước dài nhất.

## **2.7. Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện VPHC**

**2.7..1.** Khi tịch thu tang vật, phương tiện VPHC người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản; biên bản được lập theo Mẫu biên bản số 20 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Tang vật, phương tiện VPHC cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay trước mặt người bị xử phạt hoặc người đại diện của tổ chức bị xử phạt hoặc người chứng kiến. Việc niêm phong phải được ghi vào biên bản.

Đối với tang vật, phương tiện VPHC đang bị tạm giữ mà người có thẩm quyền xử phạt nhận thấy tình trạng có sự thay đổi so với thời điểm ra quyết định tạm giữ thì phải lập biên bản về sự thay đổi này. Biên bản phải có chữ ký của người lập biên bản, người có trách nhiệm tạm giữ và người chứng kiến.

**2.7.2.** Người đã ra quyết định tạm giữ, tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có trách nhiệm quản lý, bảo quản theo thủ tục hành chính. Nếu tang vật, phương tiện VPHC bị mất, bán, đánh tráo, hư hỏng, mất linh kiện, thay thế thì người ra quyết định tạm giữ, tịch thu chịu trách nhiệm bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người trực tiếp quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện VPHC phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định tạm giữ, tịch thu tang vật, phương tiện VPHC về việc quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện VPHC.

**2.7.3.** Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã có quyết định tịch thu được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

## **2.8. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả**

Việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 85 Luật XLVPHC năm 2012 như sau:

- Thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quyết định XPVPHC hoặc trong quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b<sup>8</sup> khoản 2 Điều 28 của Luật XLVPHC năm 2012.

---

<sup>8</sup> Theo đó, biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong trường hợp người có thẩm quyền không ra quyết định XPVPHC, nhưng vẫn phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi VPHC đó.

- Cá nhân, tổ chức VPHC có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định theo quy định của pháp luật và phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó.

- Người có thẩm quyền ra quyết định có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện.

- Trường hợp không xác định được đối tượng VPHC hoặc cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản mà không có tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ VPHC phải tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định XPVPHC.

Chi phí cho việc tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định thực hiện được lấy từ nguồn ngân sách dự phòng cấp cho cơ quan đó.

- Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ VPHC tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả. Cá nhân, tổ chức VPHC phải hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, nếu không hoàn trả thì bị cưỡng chế thực hiện.

## **2.9. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC**

2.9.1. Người đã ban hành quyết định xử phạt ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt trong

trường hợp: cá nhân, tổ chức bị XPVPHC không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt hoặc không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

*Lưu ý: trước khi thực hiện thủ tục cưỡng chế, cần thực hiện việc rà soát lại trình tự, thủ tục xử phạt, xác định rõ việc gửi quyết định xử phạt; báo cáo về việc đã đơn đốc cá nhân/ tổ chức bị xử phạt thi hành quyết định nhưng đến nay đối tượng vẫn cố tình không thi hành.*

Theo quy định tại Điều 86 Luật XLVPHC năm 2012, khoản 43 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, cá nhân, tổ chức bị XPVPHC không tự nguyện thi hành quyết định xử phạt thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC phải tuân thủ các nguyên tắc được quy định tại Điều 3 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP sau đây:

- Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của người có thẩm quyền.

- Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.

- Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng biện pháp cưỡng chế sau: khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm; kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá; thu tiền, tài sản khác của



đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản; buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Chỉ áp dụng các biện pháp cưỡng chế tiếp theo khi không thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế.

- Ban hành quyết định cưỡng chế đối với cá nhân, tổ chức vừa bị áp dụng XPVPHC, vừa bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 38 Nghị định 166/2013/NĐ-CP)

+ Cá nhân, tổ chức vừa không chấp hành quyết định XPVPHC, vừa không chấp hành một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả, thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế quy định tại Mục 1<sup>9</sup>, 2<sup>10</sup>, 3<sup>11</sup> hoặc 4<sup>12</sup> Chương 2 và Mục 5<sup>13</sup> Chương 2 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP đối với cá nhân, tổ chức đó, trừ trường hợp quy định tại Điều 74 Luật XLVPHC năm 2012, khoản 36<sup>14</sup> Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020.

---

<sup>9</sup> Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập

<sup>10</sup> Khấu trừ tiền từ tài khoản

<sup>11</sup> Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá

<sup>12</sup> Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản

<sup>13</sup> Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

<sup>14</sup> Thời hiệu thi hành quyết định XPVPHC là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp

+ Trong trường hợp cá nhân, tổ chức chỉ chấp hành quyết định XPVPHC mà không chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả hoặc chỉ chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả mà không chấp hành quyết định XPVPHC thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại Mục 1, 2, 3 và 4 Chương 2 hoặc Mục 5 Chương 2 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP đối với cá nhân, tổ chức đó.

- Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thực hiện theo Chương II Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

2.9.2. Người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế ở địa phương gồm: Chủ tịch UBND các cấp; Trưởng Công an cấp huyện; Giám đốc Công an cấp tỉnh; Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế; Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh; Chánh Thanh tra sở; Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục trưởng Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế; Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục

---

quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC, biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê, Giám đốc Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt có quyền.

### **2.10. Khiếu nại, khởi kiện quyết định XPVPHC**

Cá nhân, tổ chức bị XPVPHC có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật Tố tụng hành chính hiện hành.

**Phần III****ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH****1. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1.1. Theo quy định tại Điều 89 Luật XLVPHC: giáo dục tại xã, phường, thị trấn là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật XLVPHC để giáo dục, quản lý họ tại nơi cư trú trong trường hợp nhận thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi cộng đồng.

Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 03 tháng đến 06 tháng.

Theo quy định tại Điều 90 Luật XLVPHC năm 2012-được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, những đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn bao gồm:

- Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi đã 02 lần bị XPVPHC và bị lập biên bản VPHC tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép.

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đã 02 lần bị XPVPHC và bị lập biên bản VPHC tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chiếm giữ trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép nhưng không phải là tội phạm.

- Người từ đủ 14 tuổi trở lên đã 02 lần bị XPVPHC và bị lập biên bản VPHC tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người từ đủ 18 tuổi trở lên đã 02 lần bị XPVPHC và bị lập biên bản VPHC tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chiếm giữ trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép, ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình nhưng không phải là tội phạm.

- Người quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 mà không có nơi cư trú ổn định thì được giao cho cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ

em để quản lý, giáo dục trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Người từ đủ 18 tuổi trở lên quy định tại khoản 5 Điều 90 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 mà không có nơi cư trú ổn định thì giao cho UBND cấp xã nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy lần thứ ba tổ chức quản lý.

1.2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được lập theo thủ tục quy định tại Điều 97 Luật XLVPHC năm 2012 như sau:

- Trưởng Công an cấp xã nơi người vi phạm thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật XLVPHC cư trú hoặc nơi họ có hành vi vi phạm pháp luật tự lập hoặc trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở; đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người vi phạm đang làm việc hoặc học tập; đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở gồm: Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng thôn, ấp, bản, buôn, làng, phum, sóc và các đơn vị tương đương.

- Trong trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật XLVPHC năm 2012 thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người đó.

- Hồ sơ đề nghị gồm có văn bản đề nghị lập hồ sơ đề nghị, bản tóm tắt lý lịch của người vi phạm, văn bản, tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó, bệnh án (nếu có), bản tường trình của người vi phạm và các tài liệu khác có liên quan.

Đối với người chưa thành niên bị xem xét áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì ngoài các thông tin, tài liệu trên thì Trưởng Công an xã phải có trách nhiệm thu thập thêm thông tin về hoàn cảnh gia đình, quan hệ bạn bè và hoàn cảnh dẫn đến vi phạm; lấy ý kiến nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có); lấy ý kiến của cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, trừ trường hợp người chưa thành niên được chuyển đến cơ sở bảo trợ xã hội.

Cơ quan lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 97 Luật XLVPHC năm 2012 phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ; đối với người chưa thành niên thì còn phải thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.”

1.3. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật XLVPHC như sau:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 97 của Luật XLVPHC năm 2012 – được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 50 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, cơ quan lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 97 của Luật XLVPHC năm 2012 gửi hồ sơ cho Chủ tịch UBND cấp xã.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức và chủ trì cuộc họp tư vấn với sự tham gia của Trưởng Công an cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cung cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên phải được mời tham gia cuộc họp và phát biểu ý kiến của mình về việc áp dụng biện pháp.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật XLVPHC năm 2012 – được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 51 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tùy từng đối tượng mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao người được giáo dục cho cơ quan, tổ chức, gia đình quản lý, giáo dục; nếu đối tượng không có nơi cư trú ổn định thì giao cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục.



- Nội dung quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm: ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được giáo dục; hành vi vi phạm pháp luật của người đó; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; thời hạn áp dụng; ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình được giao giáo dục, quản lý người được giáo dục; quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

- Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký và phải được gửi ngay cho người được giáo dục, gia đình người đó, Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được đánh bết lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

1.4. Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hết thời hiệu thi hành sau 06 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật; trong trường hợp người có hành vi trốn tránh cố tình không thi hành quyết định thì thời hiệu được tính từ thời điểm hành vi trốn tránh đó chấm dứt.

1.5. Theo quy định tại Điều 109 Luật XLVPHC năm 2012, sau khi nhận được quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức được giao giáo dục, quản lý có trách nhiệm:

- Tổ chức việc thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người được giáo dục;
- Phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục;
- Ghi sổ theo dõi và định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về việc thực hiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- Giúp đỡ, động viên người được giáo dục, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện cho họ tìm kiếm việc làm.

Người được phân công giúp đỡ phải có kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục và được hưởng khoản kinh phí hỗ trợ cho việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ theo quy định của pháp luật.

Người được giáo dục phải cam kết bằng văn bản về việc chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Gia đình có người được giáo dục có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với người được phân công giúp đỡ trong việc quản lý, giáo dục người được giáo dục.

Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó.

## **2. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**

2.1. Theo quy định tại Điều 91 Luật XLVPHC năm 2012, đưa vào trường giáo dưỡng là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật,

nhằm mục đích giúp họ học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng từ 06 tháng đến 24 tháng.

2.2. Theo quy định tại Điều 92 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Hình sự.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Hình sự, trừ những tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 90 của Luật XLVPHC năm 2012 và trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 4 Điều 90 của Luật XLVPHC năm 2012 nhưng không phải là tội phạm và trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với các trường hợp sau đây:

- + Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;
- + Người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên;
- + Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được UBND cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.”.

2.3. Theo quy định tại Điều 99 Luật XLVPHC năm 2012 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 52 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với đối tượng quy định tại Điều 92 của Luật XLVPHC năm 2012 được thực hiện như sau:

- Đối với người chưa thành niên vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập hoặc làm việc (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan;

- Đối với người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

- Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị.

Trong trường hợp người chưa thành niên vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

Cơ quan lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 99 Luật XLVPC năm 2012 phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và gửi Trưởng công an cùng cấp.

2.4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99 của Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 52 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, Chủ tịch UBND cấp xã gửi hồ sơ, cho Trưởng Công an cấp huyện. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng Công an cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99 của Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 52 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 99 của Luật XLVPHC năm 2012 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 52 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp

huyện nơi người bị đề nghị áp dụng có hành vi vi phạm đề quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại Điều 99 của Luật XLVPHC năm 2012 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 52 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020;

- Văn bản của Trưởng công an cấp huyện, Giám đốc Công an tỉnh về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2.5. Toà án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, UBND cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật ; cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng.

Thời hạn chấp hành quyết định được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định bị tạm giữ để đưa đi trường giáo dưỡng.

2.6. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện;
- Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện;
- Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.

Quyết định miễn hoặc hoãn chấp hành phải được gửi cho cơ quan thi hành quyết định, người phải chấp hành quyết định; cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.



2.7. Người đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng đã chấp hành một nửa thời hạn, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công, thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Trong trường hợp người đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng bị ốm nặng mà được đưa về gia đình điều trị thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; thời gian điều trị được tính vào thời hạn chấp hành quyết định; nếu sau khi sức khỏe được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại. Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo, thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng quyết định việc giảm thời hạn tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng.

Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, UBND cấp xã nơi người đó cư trú, trường giáo dưỡng, người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.

Đối tượng ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo mà không xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp được tạm đình chỉ chấp hành quyết định hoặc được miễn chấp hành phần thời gian còn lại thì được đưa về cơ sở y tế tại địa phương nơi trường giáo dưỡng đóng trụ sở để điều trị.

2.8. Người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng có trách nhiệm trình diện với UBND cấp xã nơi họ cư trú.

Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng mà người đó tiếp tục có hành vi vi phạm đã bị xử lý hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng.

Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an phải tổ chức áp giải đối tượng về trường giáo dưỡng.

2.9. Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý trường giáo dưỡng, UBND cấp xã nơi người đó cư trú.

Đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động thì sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi trường giáo dưỡng đóng trụ sở.

### **3. Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**

3.1. Theo quy định tại Điều 93 Luật XLVPHC năm 2012, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 94 Luật XLVPHC năm 2012 để lao động, học văn hoá, học nghề, sinh hoạt dưới sự quản lý của cơ sở giáo dục bắt buộc.

Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc từ 06 tháng đến 24 tháng.

3.2. Theo quy định tại Điều 94 Luật XLVPHC năm 2012, khoản 48 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Người từ đủ 18 tuổi trở lên đã 02 lần bị XPVPHC và bị lập biên bản VPHC tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi quy định tại khoản 6 Điều 90 của Luật XLVPHC năm 2012 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 nhưng không phải là tội phạm và không có nơi cư trú ổn định;

- Người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 6 Điều 90 của Luật XLVPHC năm 2012 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 nhưng không phải là tội phạm và trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3.3. Theo quy định tại Điều 101 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 54 Điều 1 Luật Sửa

đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được thực hiện như sau:

- Đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;

- Đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật thì Chủ tịch UBND cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ;

- Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra,

thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

Cơ quan lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 101 Luật XLVPHC năm 2012 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 54 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và chuyển Trưởng Công an cùng cấp.

3.4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 101 của Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 54 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 hoặc kể từ ngày Giám đốc cơ sở cai

nghiện bắt buộc lập biên bản về hành vi vi phạm mới quy định tại khoản 3 Điều 118 của Luật XLVPHC năm 2012, Chủ tịch UBND cấp xã, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi hồ sơ cho Trưởng Công an cấp huyện. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng Công an cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 101 của Luật này, Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 101 của Luật XLVPHC năm 2012 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 54 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm để quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc do Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện chuyển đến Trưởng Công an cấp huyện;

- Văn bản của Trưởng Công an cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3.5. Toà án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, UBND cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật.

3.6. Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hết thời hiệu thi hành sau 01 năm, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

3.7. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ quan Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

Thời hạn chấp hành quyết định được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định bị tạm giữ để đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc.

3.8. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện;
- Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện;
- Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công.
- Đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.

Quyết định miễn hoặc hoãn chấp hành phải được gửi cho cơ quan thi hành quyết định, người phải chấp hành quyết định.

3.9. Người đang chấp hành quyết định tại cơ sở giáo dục bắt buộc đã chấp hành một nửa thời hạn, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công, thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.



Trong trường hợp người đang chấp hành quyết định tại cơ sở giáo dục bắt buộc bị ốm nặng mà được đưa về gia đình điều trị thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; thời gian điều trị được tính vào thời hạn chấp hành quyết định; nếu sau khi sức khỏe được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại. Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở giáo dục bắt buộc quyết định việc giảm thời hạn tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đề nghị của Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc.

Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, UBND cấp xã nơi người đó cư trú cơ sở giáo dục bắt buộc người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.

Đối tượng ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo mà không xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp được tạm đình chỉ chấp hành quyết định hoặc được miễn chấp hành phần thời gian còn lại thì được đưa về cơ sở y tế tại địa phương nơi cơ sở giáo dục bắt buộc đóng trụ sở để điều trị.

3.10. Người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc có trách nhiệm trình diện với UBND cấp xã nơi họ cư trú.

Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc mà người đó tiếp tục có hành vi vi phạm đã bị xử lý hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an phải tổ chức áp giải đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

3.11. Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý cơ sở giáo dục bắt buộc, UBND cấp xã nơi người đó cư trú.

Đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động thì sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương cơ sở giáo dục bắt buộc đóng trụ sở.

#### **4. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

4.1. Theo quy định tại Điều 95 Luật XLVPHC năm 2012, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm quy định tại Điều 96 của Luật XLVPHC năm 2012 để chữa

bệnh, lao động, học văn hóa, học nghề dưới sự quản lý của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 12 tháng đến 24 tháng.

4.2. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định; người đang tham gia chương trình cai nghiện tại cộng đồng, người đang tham gia điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

- Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;
- Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;
- Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

4.3. Theo quy định tại Điều 103 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC năm 2020, việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy được thực hiện như sau:

- Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú

lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Trường hợp người nghiện ma túy do cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 96 của Luật XLVPHC năm 2012 thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó;

- Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;

- Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Cơ quan lập hồ sơ đề nghị phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ về

việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

4.4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, Công an cấp tỉnh gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm; Công an cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:

- Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét áp dụng

biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi Tòa án nhân dân cùng cấp.

- Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định.

Hồ sơ đề nghị phải được đánh bút lục và lập thành 02 bản, bản gốc chuyển cho Tòa án nhân dân cấp huyện, bản sao lưu tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

4.5. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, UBND cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật.

Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hết thời hiệu thi hành sau 01 năm, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp người phải chấp hành quyết định cố tình trốn tránh việc thi hành, thì thời hiệu được tính kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

4.6. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc quyết định, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Phòng Lao động - Thương binh và Xã

hội phối hợp với Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thời hạn chấp hành quyết định được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4.7. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Đang ốm nặng có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên.

- Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

- Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên.

- Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công hoặc không còn nghiện ma túy;

- Đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề

ngộ của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.

Quyết định miễn hoặc hoãn chấp hành phải được gửi cho cơ quan thi hành quyết định, người phải chấp hành quyết định.

4.8. Người đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc đã chấp hành một nửa thời hạn, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công, thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Trong trường hợp người đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc bị ốm nặng mà được đưa về gia đình điều trị thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; thời gian điều trị được tính vào thời hạn chấp hành quyết định; nếu sau khi sức khoẻ được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại. Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định việc giảm thời hạn tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đề nghị của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc



được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, UBND cấp xã nơi người đó cư trú, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.

Đối tượng ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo mà không xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp được tạm đình chỉ chấp hành quyết định hoặc được miễn chấp hành phần thời gian còn lại thì được đưa về cơ sở y tế tại địa phương cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở để điều trị.

4.9. Người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm trình diện với UBND cấp xã nơi họ cư trú.

Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người đó tiếp tục sử dụng ma túy hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an phải tổ chức áp giải đối tượng.

4.10. Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án

nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý cơ sở cai nghiện bắt buộc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động thì sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở.

### **5. Chuyển hồ sơ của đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự**

5.1. Theo quy định tại Điều 116 Luật XLVPHC năm 2012, khi xem xét hồ sơ của đối tượng để quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm của người đó có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

5.2. Đối với trường hợp đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm của người bị áp dụng biện pháp này có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì Chủ tịch UBND hoặc Tòa án nhân dân đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải huỷ quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày huỷ quyết định phải chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

Trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì thời hạn đối tượng đã chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù; 1,5 ngày chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính bằng 01 ngày chấp hành hình phạt tù.

### **6. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính**

Theo quy định tại Điều 117 Luật XLVPHC năm 2012, trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định, thì theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì người đó được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu hình phạt được áp dụng không phải là hình phạt tù thì người đó có thể phải tiếp tục chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

## **7. Xử lý trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

7.1. Theo quy định tại Điều 118 Luật XLVPHC năm 2012- được sửa đổi, bổ sung tại khoản 60 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

7.2. Trường hợp người nghiện ma túy thuộc loại côn đồ hung hãn thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện việc cai nghiện cho đối tượng này.

7.3. Trong giai đoạn cắt cơn, phục hồi, đối tượng đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94 của Luật này thì bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc tiến hành lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng có hành vi vi phạm trên cơ sở hồ sơ hiện có và biên bản về hành vi vi phạm mới gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thủ tục xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng này được thực hiện theo quy định của Luật XLVPHC.

**Phần IV****CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ  
BẢO ĐẢM XỬ LÝ VPHC****1. Những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC**

1.1. Theo quy định tại Điều 119 Luật XLVPHC năm 2012, trong trường hợp cần ngăn chặn kịp thời VPHC hoặc để đảm bảo việc xử lý VPHC, người có thẩm quyền có thể áp dụng những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý VPHC sau đây:

- Tạm giữ người;
- Áp giải người vi phạm;
- Tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;
- Khám người;
- Khám phương tiện vận tải, đồ vật;
- Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC;
- Quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất.
- Giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- Truy tìm đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn.

1.2. Theo quy định tại Điều 120 Luật XLVPHC năm 2012, khi áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý

VPHC, người có thẩm quyền phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định từ Điều 120 đến Điều 132 của Luật XLVPHC năm 2012, nếu vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC trong trường hợp cần thiết theo quy định.

Người ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC phải chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình.

Việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3. Trường hợp việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC không còn phù hợp với mục đích và điều kiện áp dụng theo quy định của Luật XLVPHC thì quyết định áp dụng biện pháp đó phải được huỷ bỏ.

Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC quyết định huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy không còn cần thiết hoặc thay thế bằng một biện pháp ngăn chặn khác.

## **2. Biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính**

2.1. Biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Cần ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác;
- Cần ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;
- Đề thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

- Để xác định tình trạng nghiện ma túy đối với người sử dụng trái phép chất ma túy.

2.2. Những người sau đây có thẩm quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Trưởng Công an phường, Trưởng Công an xã, thị trấn đã tổ chức công an chính quy theo quy định của Luật Công an nhân dân; Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng trạm Công an cửa khẩu;

- Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông

đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại;

- Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên;

- Hạt trưởng Hạt kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng; Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng, Cục trưởng Cục Kiểm ngư;

- Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu;

- Đội trưởng Đội quản lý thị trường; Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường;

- Đồn trưởng Đồn Biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng, Hải đội trưởng Hải đội Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh;



- Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy;

- Người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa đã rời sân bay, bến cảng, nhà ga;

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Như vậy, không phải bất kỳ người nào có thẩm quyền XPVPHC đều có thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính là cấp trưởng hoặc có thể giao quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính khi vắng mặt. Việc giao quyền phải được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về phạm vi được giao quyền.

2.3. Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính gồm có các nội dung sau:

- Số quyết định; giờ, phút, ngày, tháng, năm ra quyết định;

- Họ, tên, cấp bậc (nếu có), chức vụ, cơ quan, đơn vị của người ra quyết định;

- Căn cứ ra quyết định tạm giữ, điều, khoản văn bản pháp luật được áp dụng; lý do tạm giữ;

- Họ tên, ngày, tháng năm sinh, nơi sinh, nơi đăng ký thường trú (hoặc tạm trú), nghề nghiệp, nơi công tác, học

tập, số định danh cá nhân, số Căn cước công dân (hoặc số Chứng minh nhân dân) của người bị tạm giữ; họ tên cha, mẹ hoặc người giám hộ của người bị tạm giữ (nếu người bị tạm giữ là người chưa thành niên);

- Quốc tịch, số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (nếu người bị tạm giữ là người nước ngoài);

- Thời hạn tạm giữ (tạm giữ trong thời gian bao lâu; bắt đầu từ thời điểm nào); nơi tạm giữ;

- Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về việc ra quyết định tạm giữ và việc thực hiện biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật;

- Chữ ký, dấu cơ quan của người ra quyết định tạm giữ.

Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính được lập thành 02 bản, giao 01 bản cho người bị tạm giữ và 01 bản lưu vào hồ sơ tạm giữ (Quyết định thực hiện theo Mẫu Quyết định số 18 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP).

2.4. Thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính không quá 12 giờ; trong trường hợp cần thiết, thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không quá 24 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm; trường hợp tạm giữ người VPHC ở khu vực biên giới hoặc vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo thì thời hạn tạm giữ được tính từ thời điểm người vi phạm được áp giải đến nơi tạm giữ.

Đối với trường hợp tạm giữ để xác định tình trạng nghiện ma túy thì thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không quá 05 ngày, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

Đối với người bị tạm giữ trên tàu bay, tàu biển thì phải chuyển ngay cho cơ quan có thẩm quyền khi tàu bay đến sân bay, tàu biển cập cảng.

2.5. Trường hợp cần kéo dài thời gian tạm giữ theo thủ tục hành chính thì trước khi hết thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính ghi trong quyết định, người có thẩm quyền tạm giữ ra quyết định kéo dài thời gian tạm giữ.

Nội dung quyết định kéo dài thời gian tạm giữ người theo thủ tục hành chính gồm:

- Số quyết định; giờ, phút, ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Họ, tên, cấp bậc (nếu có), chức vụ, cơ quan, đơn vị của người ra quyết định;

- Căn cứ ra quyết định kéo dài thời gian tạm giữ người, điều, khoản văn bản pháp luật được áp dụng; lý do kéo dài thời gian tạm giữ;

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, giới tính, nơi đăng ký thường trú (hoặc tạm trú), nghề nghiệp, nơi công tác, học tập, số định danh cá nhân, số Căn cước công dân (hoặc số Chứng minh nhân dân) của người bị kéo dài thời gian tạm giữ; họ tên cha, mẹ hoặc người giám hộ của người bị kéo dài thời gian tạm giữ (nếu người bị tạm giữ là người chưa thành niên);

- Quốc tịch, số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (nếu người bị tạm giữ là người nước ngoài);

- Thời hạn kéo dài thời gian tạm giữ người;

- Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về việc ra quyết định kéo dài thời gian tạm giữ người và việc thực hiện biện pháp này theo quy định của pháp luật;

- Chữ ký, dấu cơ quan của người ra quyết định tạm giữ.

Quyết định kéo dài thời gian tạm giữ được lập thành hai bản, một bản giao cho người bị tạm giữ, một bản lưu vào hồ sơ tạm giữ.

2.6. Việc hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính được thực hiện khi:

- Hết thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính;

- Người bị tạm giữ bị bệnh theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 142/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ Quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất;

- Có căn cứ cho rằng hành vi vi phạm pháp luật của người bị tạm giữ hành chính theo thủ tục hành chính có dấu hiệu của tội phạm;

- Các căn cứ để tạm giữ người theo thủ tục hành chính đã chấm dứt nhưng chưa hết thời hạn tạm giữ ghi trong quyết định tạm giữ.

Nội dung quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải ghi rõ các nội dung sau:

- Số quyết định; địa danh, giờ, phút, ngày, tháng, năm ra quyết định;

- Họ, tên, cấp bậc (nếu có), chức vụ, cơ quan, đơn vị của người ra quyết định;

- Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định; điều, khoản văn bản pháp luật được áp dụng;

- Lý do hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ người;

- Họ tên, ngày, tháng năm sinh, nơi sinh, nơi đăng ký thường trú (hoặc tạm trú), nghề nghiệp, nơi công tác, học tập, số định danh cá nhân, số Căn cước công dân (hoặc số Chứng minh nhân dân) của người được hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ;

- Họ tên cha, mẹ hoặc người giám hộ của người bị tạm giữ là người chưa thành niên;

- Quốc tịch, số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (nếu người bị tạm giữ là người nước ngoài);

- Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về việc ra quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ và việc thực hiện biện pháp này theo quy định của pháp luật;

- Họ tên, chữ ký của người ra quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ.

Quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải được ghi vào Sổ theo dõi người bị tạm giữ hành chính và có chữ ký xác nhận của người được hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ. Trường hợp người được hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ từ chối ký xác nhận thì người ra quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải lập biên bản hoặc phân công cho người đang trực tiếp thi hành nhiệm vụ tạm giữ người theo thủ tục hành chính lập biên bản và ghi rõ lý do vào biên bản. Biên bản phải có chữ ký của người chứng kiến (nếu có), người lập biên bản và người ra quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Người ra quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm giữ phải chuyển hồ sơ và bàn giao người bị tạm giữ cùng tang vật, phương tiện vi phạm (nếu có) cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật nếu thuộc trường hợp có căn cứ cho rằng hành vi vi phạm pháp luật của người bị tạm giữ hành chính theo thủ tục hành chính có dấu hiệu của tội phạm.

2.7. Nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính là nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính được bố trí tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi làm việc của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ người VPHC. Trường hợp không có nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính thì tạm giữ tại phòng trực ban hoặc phòng khác tại nơi làm việc, nhưng phải bảo đảm các quy định chung.

Nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính phải có khóa cửa, bảo đảm ánh sáng, thoáng mát, vệ sinh an toàn về phòng cháy, chữa cháy, thuận tiện cho việc trông coi, bảo vệ. Người bị tạm giữ qua đêm phải được bố trí giường nằm và phải có chiếu, chăn, màn; chỗ nằm tối thiểu cho mỗi người là 2 m<sup>2</sup>.

- Cơ quan có chức năng phòng, chống vi phạm pháp luật chịu trách nhiệm về việc tổ chức, bố trí nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính và chỉ đạo thiết kế, xây dựng nơi tạm giữ hành chính bảo đảm và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2.8. Theo yêu cầu của người bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho gia đình, tổ chức nơi làm việc hoặc học tập của họ biết. Trong trường hợp tạm giữ người chưa thành niên VPHC vào ban đêm hoặc giữ trên 06 giờ, thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo ngay cho cha mẹ hoặc người giám hộ của họ biết. Trường hợp không thông báo được thì phải báo cho người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính biết và ghi rõ lý do vào Sổ theo dõi người bị tạm giữ hành chính.

Trường hợp người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính là người nước ngoài thì người ra quyết định tạm giữ phải báo cáo ngay với thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp trên biết để thông báo cho Bộ Ngoại giao để thông báo cho cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện ngoại giao của nước mà người đó là công dân biết; đồng thời, phối hợp với Bộ Ngoại giao thu xếp cho đại diện của cơ quan lãnh sự hoặc đại diện cơ quan ngoại giao của nước đó thăm gặp lãnh sự nếu có yêu cầu và phối hợp xử lý các vấn đề đối ngoại khác có liên quan.

2.9. Việc tiếp nhận người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính phải thực hiện các bước sau:

- Kiểm tra, đối chiếu quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính với người bị tạm giữ hành chính.

- Kiểm tra, ghi nhận tình trạng sức khỏe của người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

- Kiểm tra tư trang, đồ vật của người bị tạm giữ được phép mang theo; phổ biến quyền và nghĩa vụ của người bị

tạm giữ; nội quy nơi tạm giữ và những quy định khác có liên quan.

- Vào Sổ theo dõi người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

Việc quản lý người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính phải chặt chẽ nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối về tính mạng, sức khỏe cho những người này. Do đó, những người được giao nhiệm vụ quản lý người bị tạm giữ, bảo vệ nơi tạm giữ có trách nhiệm:

- Trường hợp phát hiện thấy người bị tạm giữ có thương tích, có biểu hiện về tâm lý, sức khỏe, hành vi không bình thường thì phải lập biên bản về tình trạng sức khỏe của người bị tạm giữ và báo cáo ngay với người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Trường hợp phát hiện những tình tiết có liên quan đến vụ việc vi phạm hoặc phát hiện người bị tạm giữ cất giấu vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tang vật, phương tiện vi phạm thì phải lập biên bản về việc phát hiện những tình tiết liên quan và biên bản tạm giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tang vật, phương tiện VPHC đó.

- Tư trang, tài sản của người bị tạm giữ phải được ký gửi tại nơi tạm giữ. Việc giao, nhận tư trang tài sản ký gửi phải được ghi đầy đủ, cụ thể vào Sổ theo dõi tạm giữ người theo thủ tục hành chính và phải có xác nhận của người bị tạm giữ.

- Trường hợp tư trang, tài sản ký gửi có số lượng nhiều hoặc có giá trị lớn thì cán bộ được giao trách nhiệm quản lý phải lập biên bản ký gửi tư trang, tài sản, trong đó phải ghi



đầy đủ, cụ thể số lượng, chủng loại, ký hiệu, hình thức, tình trạng đồ vật và các vấn đề khác có liên quan. Biên bản ký gửi tài sản phải được lập thành 02 bản, có chữ ký xác nhận của người bị tạm giữ, chữ ký của người nhận bảo quản tài sản và giao cho mỗi bên 01 bản.

- Khi hết thời hạn tạm giữ hoặc người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính chuyển đi nơi khác, người bị tạm giữ được nhận lại đầy đủ tư trang, tài sản đã ký gửi. Trường hợp phát hiện tư trang, tài sản ký gửi bị mất mát, hư hỏng thì người bị tạm giữ có quyền yêu cầu cơ quan tạm giữ có trách nhiệm bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

2.10. Người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính tiến hành lập biên bản giao, nhận người có hành vi VPHC với tổ chức, cá nhân áp giải người VPHC hoặc phân công cho người đang thi hành nhiệm vụ tiến hành lập biên bản giao, nhận người có hành vi VPHC. Biên bản giao, nhận người có hành vi VPHC phải ghi rõ các nội dung sau:

- Họ tên, chức vụ, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bên giao và bên nhận người có hành vi VPHC;

- Thời gian lập biên bản (giờ, phút, ngày, tháng, năm);

- Địa điểm lập biên bản;

- Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân, số Căn cước công dân (hoặc số Chứng minh nhân dân nếu còn thời hạn sử dụng) của người có hành vi vi phạm; thời gian, địa điểm thực hiện hành vi vi phạm;

- Tình trạng sức khỏe, thái độ của người có hành vi vi phạm;

- Tang vật, tư trang, tài sản, phương tiện, giấy tờ của họ (nếu có) và những tình tiết khác có liên quan đến việc giao, nhận người vi phạm.

Trường hợp có người làm chứng và có người bị thiệt hại do người có hành vi VPHC gây ra thì phải ghi rõ trong biên bản:

- Các nội dung, sự việc mà họ được chứng kiến và những thiệt hại do người có hành vi VPHC gây ra;

- Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân, số Căn cước công dân (hoặc số Chứng minh nhân dân nếu còn thời hạn sử dụng) của người làm chứng và người bị thiệt hại;

- Nếu người làm chứng, người bị thiệt hại từ chối ký vào biên bản thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Biên bản giao, nhận người có hành vi VPHC phải được lập thành 02 bản và đọc lại cho mọi người tham gia ký biên bản cùng nghe; bên nhận giữ 01 bản, bên giao giữ 01 bản.

Ngay sau khi lập biên bản giao, nhận người có hành vi VPHC, nếu xét thấy phải tạm giữ người vi phạm theo thủ tục hành chính, người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải ra ngay quyết định tạm giữ.

Trường hợp không đủ căn cứ hoặc xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính thì người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải ra quyết định trả tự do ngay cho người đó và trả lại tư trang, tài sản, phương tiện, giấy tờ (nếu có) cho họ

nêu các tư trang, tài sản, giấy tờ này không thuộc diện bị áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC.

2.11. Người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính có các quyền sau đây:

- Được thông báo về việc bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính;

- Được biết lý do bị tạm giữ, thời hạn bị tạm giữ, địa điểm bị tạm giữ; khiếu nại về việc bị tạm giữ;

- Yêu cầu người ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính thông báo quyết định tạm giữ cho gia đình, tổ chức (nơi làm việc, học tập) biết việc mình bị tạm giữ;

- Được bảo đảm chế độ ăn uống theo quy định;

- Được điều trị, chăm sóc y tế khi bị bệnh theo quy định.

2.12. Người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính có các nghĩa vụ sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định tạm giữ, nội quy, quy định của nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính;

- Tuân thủ yêu cầu, mệnh lệnh của người ra quyết định tạm giữ và người được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ nơi tạm giữ;

- Không được đưa vào nơi tạm giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị điện tử có chức năng thu phát sóng, văn hóa phẩm độc hại, rượu, bia và các chất gây nghiện khác hoặc các vật dụng có thể ảnh hưởng đến trật tự, an toàn nơi tạm giữ.

2.13. Đối với trường hợp người bị tạm giữ bị bệnh hoặc chết được xử lý như sau:

- Đối với người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính mà bị bệnh trong thời gian tạm giữ thì được điều trị tại chỗ; trường hợp tình trạng bệnh cần cấp cứu thì cơ quan, đơn vị và người quản lý trực tiếp người bị tạm giữ có trách nhiệm đưa họ đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để điều trị, đồng thời thông báo ngay cho gia đình, thân nhân của họ biết để chăm sóc; trường hợp gia đình, thân nhân, gia đình của người bị tạm giữ có đơn đề nghị đưa về nhà để chăm sóc và xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giữ thì người có thẩm quyền tạm giữ có thể quyết định hủy bỏ việc tạm giữ và cho họ về gia đình để chữa bệnh; trường hợp người bị tạm giữ không có nơi cư trú nhất định hoặc gia đình, thân nhân của họ ở xa, không kịp thời đến để chăm sóc thì cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính trực tiếp chịu trách nhiệm chăm sóc người bị tạm giữ.

- Đối với trường hợp người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính bị chết trong thời gian tạm giữ thì người ra quyết định tạm giữ phải báo ngay cho cơ quan điều tra, viện kiểm sát có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời, lập biên bản về việc người tạm giữ bị chết và thông báo ngay cho gia đình, thân nhân của người chết biết; gia đình người chết có trách nhiệm mai táng người chết; trường hợp người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính chết mà không có gia đình, thân nhân thì việc mai táng do cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ phối hợp với chính quyền địa

phương nơi tạm giữ giải quyết việc mai táng; kinh phí mai táng trong trường hợp này do ngân sách nhà nước chi trả theo quy định của pháp luật; trường hợp người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính chết là người nước ngoài thì người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền cấp trên biết để thông báo ngay cho Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phối hợp với cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện ngoại giao của nước mà người chết có quốc tịch để phối hợp giải quyết.

Biên bản về việc người tạm giữ theo thủ tục hành chính bị chết trong thời gian tạm giữ phải ghi rõ các nội dung: họ tên người bị tạm giữ; ngày, tháng, năm sinh của người bị tạm giữ; Số định danh cá nhân, số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/các giấy tờ cá nhân có liên quan; địa điểm tạm giữ; tình trạng sức khỏe của người tạm giữ khi tiếp nhận; quá trình xử lý người tạm giữ từ khi tiếp nhận tới khi người bị tạm giữ chết; lý do người tạm giữ bị chết.

### **3. Biện pháp áp giải người VPHC**

3.1. Áp giải người vi phạm là một trong các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC. Biện pháp này được áp dụng khi người vi phạm không tự nguyện chấp hành yêu cầu của người có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

- Bị tạm giữ theo thủ tục hành chính;
- Đưa vào hoặc đưa trở lại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với đối tượng không tự giác chấp hành khi điều kiện hoãn, tạm

đình chỉ không còn và đối tượng đang chấp hành tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn.

3.2. Những người có chức danh sau đây đang thi hành công vụ có thẩm quyền thực hiện việc áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính:

- Chiến sĩ Công an nhân dân;
- Chiến sĩ Bộ đội biên phòng;
- Cảnh sát viên Cảnh sát biển;
- Công chức Hải quan;
- Kiểm lâm viên;
- Công chức Thuế;
- Kiểm soát viên thị trường;
- Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;
- Kiểm ngư viên;
- Chấp hành viên thi hành án dân sự.

3.3. Áp giải người vi phạm được thực hiện theo thủ tục sau đây:

- Trước khi áp giải người vi phạm, người đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải phải giải thích cho người bị áp giải về quyền và nghĩa vụ của họ trong quá trình bị áp giải theo quy định của pháp luật, giải đáp thắc mắc của người bị áp giải.

- Trong khi áp giải, phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người đang thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ áp giải và cho người bị áp giải. Việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

khi áp dụng biện pháp áp giải phải bảo đảm đúng nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật XLVPHC năm 2012 và quy định tại Nghị định số 142/2021/NĐ-CP.

- Trường hợp người bị áp giải có dấu hiệu bỏ trốn hoặc có hành vi chống người thi hành công vụ, người đang thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ áp giải phải báo cáo ngay người có thẩm quyền đề ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính đối với người đó.

- Người đang thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ áp giải phải giám sát, quản lý chặt chẽ người bị áp giải, cảnh giác, chủ động, kịp thời xử lý những tình huống phức tạp có thể xảy ra; không được tùy tiện giải quyết các yêu cầu của người bị áp giải trong khi đang tiến hành áp giải.

- Người đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải người vi phạm phải tiến hành lập biên bản giao, nhận người bị áp giải với cơ quan tiếp nhận người bị áp giải.

- Người đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải người vi phạm khi đến địa điểm thực hiện áp giải phải mời đại diện chính quyền địa phương nơi người bị áp giải cư trú hoặc đang bị quản lý, đại diện cơ quan, tổ chức nơi người bị áp giải làm việc, học tập và người chứng kiến.

- Tiến hành kiểm tra, đối chiếu ảnh, giấy tờ tùy thân, xác định đúng người vi phạm bị áp giải theo thủ tục hành chính và lập biên bản về việc áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính.

Biên bản giao, nhận người bị áp giải bao gồm các nội dung sau:

- Thời gian, địa điểm lập biên bản.

- Họ, tên, chức vụ, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bên giao, bên nhận; họ, tên, địa chỉ, số định danh cá nhân, số Căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân (nếu có) hoặc giấy tờ tùy thân khác của người có hành vi vi phạm bị áp giải; hành vi vi phạm; thời gian, địa điểm thực hiện hành vi vi phạm; tình trạng sức khỏe, thái độ của người có hành vi vi phạm, tang vật, tài sản của họ (nếu có) và những tình tiết khác có liên quan đến việc áp giải người vi phạm; trường hợp có người làm chứng phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ của người làm chứng.

- Biên bản phải có chữ ký của bên giao, bên nhận áp giải và của người có hành vi vi phạm bị áp giải, người làm chứng (nếu có); người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính ký tên vào biên bản giao, nhận người vi phạm bị áp giải. Trường hợp người vi phạm bị áp giải, người làm chứng từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

- Biên bản giao, nhận người có hành vi VPHC bị áp giải phải lập thành hai bản và đọc cho mọi người tham gia ký biên bản nghe; bên nhận, bên giao người vi phạm bị áp giải mỗi bên giữ một bản.

### 3.5. Xử lý một số tình huống trong khi áp giải

- Trường hợp người bị áp giải có hành vi chống đối; người bị áp giải là người chưa thành niên có hành vi chửi bới, lăng mạ nhưng không tấn công bằng vũ lực thì người đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải phải giải thích



quy định của pháp luật, yêu cầu họ chấp hành quyết định; trường hợp người bị áp giải có hành vi tấn công bằng vũ lực, người đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải có quyền sử dụng vũ lực, trói, khóa tay, chân, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật để không chế vô hiệu hóa hành vi chống đối của người bị áp giải.

- Trường hợp người vi phạm bị áp giải bỏ trốn thì người đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải phải yêu cầu những người có mặt phối hợp bắt giữ; trường hợp không bắt giữ ngay được đối tượng thì phải kịp thời báo cáo cho thủ trưởng đơn vị và liên hệ với chính quyền địa phương nơi xảy ra vụ việc để có phương án truy tìm người vi phạm bỏ trốn; đồng thời, lập biên bản về việc người bị áp giải bỏ trốn, có chữ ký của người chứng kiến; nếu không có người chứng kiến phải ghi rõ lý do vào biên bản.

- Trường hợp người bị áp giải bị phát bệnh đột xuất cần cấp cứu kịp thời thì người đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải phải nhanh chóng đưa vào cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gần nhất. Việc áp giải hoặc đưa lên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên để tiếp tục chữa trị phải có xác nhận bằng văn bản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về tình trạng sức khỏe của người bị áp giải và người đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải phải báo cáo ngay cho chỉ huy trực tiếp biết. Trong thời gian cấp cứu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, người đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải phải có kế hoạch tổ chức canh giữ, giám sát

chặt chẽ người vi phạm, không để trốn hoặc tự do tiếp xúc với người khác.

- Trường hợp người bị áp giải bị chết bất thường thì phải đưa vào cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gần nhất và báo cáo ngay thủ trưởng đơn vị, Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát nơi xảy ra vụ việc biết để tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Mọi trường hợp áp giải người vi phạm đều phải chuẩn bị các điều kiện cần thiết về hậu cần, liên hệ trước với chính quyền địa phương nơi dẫn giải người vi phạm đến trong việc quản lý người bị áp giải.

#### **4. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính**

4.1. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây:

- Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt. Trường hợp tạm giữ để định giá tang vật VPHC làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt.

- Để ngăn chặn ngay hành vi VPHC mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội;

- Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện trong các trường hợp trên phải được chấm dứt ngay sau khi xác minh được tình tiết làm căn cứ quyết định xử phạt, hành vi vi phạm

không còn gây nguy hiểm cho xã hội hoặc quyết định xử phạt được thi hành.

4.2. Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC quy định tại Chương II Phần thứ hai của Luật XLVPHC thì có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Thẩm quyền tạm giữ không phụ thuộc vào giá trị của tang vật, phương tiện VPHC.

4.3. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được thực hiện như sau:

- Người có thẩm quyền lập biên bản VPHC đang giải quyết vụ việc lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

- Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ về tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ, quyết định tạm giữ phải được giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

- Trường hợp không ra quyết định tạm giữ thì phải trả lại ngay tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

- Đối với trường hợp tang vật là hàng hóa dễ hư hỏng thì người tạm giữ phải báo cáo ngay thủ trưởng trực tiếp để xử lý, nếu dễ hư hỏng hoặc thất thoát thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4.4. Người lập biên bản tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ có trách nhiệm bảo quản tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong trường hợp tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị mất, bán trái quy định, đánh tráo hoặc hư hỏng, mất linh kiện, thay thế thì người ra quyết định tạm giữ phải chịu trách nhiệm bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp tang vật, phương tiện bị tạm giữ phải được niêm phong thì phải tiến hành ngay trước mặt người vi phạm; nếu người vi phạm vắng mặt thì phải tiến hành niêm phong trước mặt đại diện gia đình, đại diện tổ chức, đại diện chính quyền và người chứng kiến.

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC phải có quyết định bằng văn bản kèm theo biên bản tạm giữ và phải giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

Khi thực hiện việc tạm giữ, người lập biên bản, người có thẩm quyền tạm giữ phải niêm phong tang vật, phương tiện VPHC bị tạm giữ, trừ các trường hợp sau đây:

- Động vật, thực vật sống;
- Hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng, khó bảo quản theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp tang vật, phương tiện VPHC bị tạm giữ được niêm phong thì phải tiến hành ngay trước mặt người vi phạm; nếu người vi phạm vắng mặt thì phải tiến hành niêm phong trước mặt đại diện gia đình người vi phạm, đại diện tổ chức hoặc đại diện chính quyền cấp xã hoặc ít nhất 01 người chứng kiến.

Biên bản, quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử.

4.5. Tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính phải được lập biên bản. Nội dung biên bản gồm:

- Tên, số lượng, chủng loại, tình trạng của tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ;

- Chữ ký của người thực hiện việc tạm giữ, người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm

Trường hợp không có chữ ký của người vi phạm thì phải có chữ ký của ít nhất 01 người chứng kiến. Biên bản phải được lập thành 02 bản, giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

4.6. Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ; trường hợp vụ việc phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn tạm giữ không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ.

Thời hạn tạm giữ có thể được kéo dài đối với những vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 của Luật XLVPHC nhưng không quá 01 tháng, kể từ ngày tạm giữ. Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 của Luật XLVPHC năm 2012 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020 thì thời hạn

tạm giữ có thể được tiếp tục kéo dài nhưng không quá 02 tháng, kể từ ngày tạm giữ.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được tính từ thời điểm tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ thực tế.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm; hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không vượt quá thời hạn ra quyết định XPVPHC quy định tại Điều 66 của Luật XLVPHC - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020. Trường hợp tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 125 Luật XLVPHC năm 2012 thì thời hạn tạm giữ kết thúc khi quyết định xử phạt được thi hành xong.

Người có thẩm quyền tạm giữ phải ra quyết định tạm giữ, kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

4.7. Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính

Người ra quyết định tạm giữ phải xử lý tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo biện pháp ghi trong quyết định xử phạt hoặc trả lại cho cá nhân, tổ chức nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện VPHC vào ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện VPHC theo quy định tại Điều 26 của Luật XLVPHC thì tang vật, phương tiện đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với tang vật, phương tiện VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự thì bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương ứng với nghĩa vụ được bảo đảm; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện VPHC vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện VPHC theo quy định tại Điều 26 của Luật XLVPHC thì tang vật, phương tiện đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt theo khoản 6 Điều 125 của Luật XLVPHC phải được trả ngay cho người bị xử phạt sau khi thi hành xong quyết định xử phạt.

Đối với tang vật VPHC là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản. Tiền thu được phải gửi vào tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu sau đó theo quyết định của người có thẩm quyền, tang vật đó bị tịch thu thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp tang vật đó không bị tịch thu thì tiền thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

Đối với tang vật, phương tiện VPHC bị tạm giữ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 125 của Luật XLVPHC khi hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì được xử lý như sau:

- Trường hợp xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho họ 02 lần. Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. Hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện VPHC;



- Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng của trung ương hoặc địa phương nơi tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện VPHC.

Đối với tang vật, phương tiện VPHC bị tạm giữ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 125 của Luật XLVPHC khi hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức bị XPVPHC không thi hành quyết định xử phạt thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt, người có thẩm quyền tạm giữ phải chuyển tang vật, phương tiện VPHC cho người có thẩm quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt để quyết định việc kê biên, bán đấu giá theo quy định của pháp luật để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

Đối với giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do

chính đáng thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt, người có thẩm quyền tạm giữ phải chuyển cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó để tiến hành việc thu hồi theo quy định của pháp luật và thông báo cho người vi phạm biết.

Đối với tang vật, phương tiện VPHC là hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hoá phẩm độc hại thì phải tiến hành tiêu hủy theo quy định tại Điều 33 của Luật XLVPHC.

Đối với các chất ma túy và những vật thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành thì tịch thu hoặc tiêu hủy theo quy định của Luật XLVPHC.

Người có tang vật, phương tiện VPHC bị tạm giữ chỉ phải trả chi phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện và các khoản chi phí khác trong thời gian tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 8 Điều 125 của Luật XLVPHC.

Không thu phí lưu kho, phí bến bãi và phí bảo quản trong thời gian tang vật, phương tiện VPHC bị tạm giữ nếu chủ tang vật, phương tiện không có lỗi trong việc VPHC hoặc áp dụng biện pháp tịch thu đối với tang vật, phương tiện.

## **5. Khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật, nơi cất giấu tang vật phương tiện theo thủ tục hành chính**

5.1. Việc khám người theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng người đó cất giấu trong người đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để VPHC.

Những người sau đây có thẩm quyền khám người theo thủ tục hành chính:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an phường;

- Trưởng Công an cấp huyện;

- Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh của Công an cấp tỉnh; Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường;

- Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, Trạm trưởng Trạm công an cửa khẩu;

- Hạt trưởng Hạt kiểm lâm, Đội trưởng Đội kiểm lâm cơ động;

- Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng Cục hải quan;

- Đội trưởng Đội quản lý thị trường;

- Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng, Chỉ huy trưởng Hải đội biên phòng, Trưởng đồn

biên phòng và Thủ trưởng đơn vị bộ đội biên phòng đóng ở biên giới, hải đảo;

- Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển;

- Người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa đã rời sân bay, bến cảng, nhà ga;

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Trong trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để VPHC bị tẩu tán, tiêu hủy, thì ngoài những người nêu trên những người sau đây có thẩm quyền khám người được khám người theo thủ tục hành chính và báo cáo ngay bằng văn bản cho thủ trưởng của mình:

- Chiến sĩ cảnh sát nhân dân, cảnh sát viên cảnh sát biển;

- Chiến sĩ bộ đội biên phòng;

- Kiểm lâm viên;

- Công chức hải quan;

- Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ.

Khi khám người, người khám phải thông báo quyết định cho người bị khám biết; khi khám thì nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người chứng kiến; mọi trường hợp khám người đều phải lập biên bản. Quyết định khám người, biên bản khám người phải giao cho người bị khám 01 bản.

5.2. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật đó có cất giấu tang vật VPHC.

Những người có thẩm quyền khám người theo thủ tục hành chính thì có thẩm quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính.

Sau khi khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính những người có thẩm quyền khám nhưng không có thẩm quyền XPVPHC thì phải báo cáo ngay với người có thẩm quyền XPVPHC là thủ trưởng trực tiếp của mình và phải chịu trách nhiệm về việc khám đó.

Khi tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải và 01 người chứng kiến; trong trường hợp chủ phương tiện, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến.

Mọi trường hợp khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính đều phải lập biên bản. Quyết định khám và biên bản khám phải giao cho chủ phương tiện, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản.

5.3. Việc khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng nơi đó có cất giấu tang vật, phương tiện VPHC.

Những người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính thì có quyền khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC; trường hợp nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC là chỗ ở thì Chủ tịch UBND cấp huyện là người có thẩm quyền quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC.

Khi khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC cần lưu ý:

- Phải có mặt người chủ nơi bị khám hoặc người thành niên trong gia đình họ và người chứng kiến.

Trong trường hợp người chủ nơi bị khám, người thành niên trong gia đình họ vắng mặt mà việc khám không thể trì hoãn thì phải có đại diện chính quyền và có ít nhất 01 người chứng kiến.

- Không được khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc việc khám đang được thực hiện mà chưa kết thúc nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

- Mọi trường hợp khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC phải có quyết định bằng văn bản và phải lập biên bản. Quyết định và biên bản khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC phải được giao cho người chủ nơi bị khám 01 bản.

## MỤC LỤC

	Trang
<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	3
<b>Phần I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XỬ LÝ VPHC</b>	5
1. VPHC	5
2. Nguyên tắc XPVPHC khi có hành vi VPHC do pháp luật quy định	6
3. Căn cứ XPVPHC	7
4. Thời hiệu, thời điểm để tính thời hiệu xử lý VPHC	11
5. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng khi áp dụng quyết định xử phạt hành chính	12
6. Những trường hợp không XPVPHC	14
7. Những hành vi bị nghiêm cấm trong XPVPHC	15
8. Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử lý VPHC và UBND các cấp	16

**Phần II: XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH** 19

1. Hình thức, nguyên tắc áp dụng, thẩm quyền, mức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả 19
2. Thủ tục xử phạt, quyết định xử phạt và thi hành quyết định xử phạt 56

**Phần III. ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH** 100

1. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn 100
2. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 106
3. Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 115
4. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 122
5. Chuyển hồ sơ của đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự 130
6. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính 131



7. Xử lý trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 132

**Phần IV. CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ BẢO ĐẢM XỬ LÝ VPHC** 133

1. Những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC 133
2. Biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính 134
3. Biện pháp áp giải người VPHC 149
4. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính 154
5. Khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật, nơi cất giấu tang vật phương tiện theo thủ tục hành chính 162

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

**ĐỖ THỊ VIỆT HÀ**

*Giám đốc Sở Tư pháp*

**Chịu trách nhiệm nội dung**

**TRƯƠNG NGỌC BÍCH**

*Phó Giám đốc Sở Tư pháp*

**Biên soạn**

**DƯƠNG VĂN CHUNG**

*Trưởng Phòng Văn bản & Quản lý XLVPHC,*

*Sở Tư pháp*

**LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THÚY**

*Phó trưởng Phòng Văn bản & Quản lý XLVPHC,*

*Sở Tư pháp*

**ĐỖ THỊ HOÀI**

*Chuyên viên Phòng Văn bản & Quản lý XLVPHC,*

*Sở Tư pháp*

---

In 5.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm

Tại Công ty TNHH Tính toán, In và Thương mại Bắc Giang  
Số 22, đường Ngô Văn Cảnh, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang

Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh số: 63/GP-STTTT  
Do Sở TT&TT tỉnh Bắc Giang cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.